



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: VỪA LÀM VỪA HỌC

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã ngành: 7340301

Mã chương trình đào tạo : VLVH7340301

Quảng Ninh 2022

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: VỪA LÀM VỪA HỌC**

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã ngành: 7340301

Mã chương trình đào tạo : VLVH7340301

Quảng Ninh 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 390/QĐ-ĐHCNQN, ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

Tên chương trình: Chương trình đào tạo ngành Kế toán

Ngành đào tạo: Kế toán

Tên tiếng Anh (tên ngành): Accounting

Mã ngành: 7340301

Mã chương trình đào tạo: VLVH7340301

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: VLVH

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Tầm nhìn- Sứ mạng- Triết lý giáo dục của Nhà trường

Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực có uy tín trong nước và khu vực về công nghiệp và dịch vụ theo hướng ứng dụng.

Sứ mạng: Là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; Là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ về các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

Triết lý giáo dục: Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là một hệ giá trị mang tính toàn diện, bao gồm: Liêm chính – Đoàn kết – Trách nhiệm – Sáng tạo.

1.2. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành kế toán có phẩm chất chính trị, có đạo đức, có sức khỏe; thích nghi với môi trường làm việc, có trách nhiệm với nghề nghiệp, có kiến thức về KHCB, LLCT, GDQPAN, Ngoại ngữ, tin học, có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng thực hành cơ bản, có năng lực sáng tạo khoa học kỹ thuật, có khả năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập, ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán.

1.3. Mục tiêu cụ thể

A. Về kiến thức

+ Kiến thức giáo dục đại cương

A1. Có Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh để vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn.

A2. Có kiến thức về toán học, ngoại ngữ, khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức chuyên môn và học tập nâng cao trình độ.

A3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Kiến thức chuyên môn

A4. Có kiến thức toàn diện, chuyên sâu và nắm chắc quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế - tài chính, kiến thức nền tảng về hoạt động của doanh nghiệp;

A5. Có kiến thức lập và phân tích hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp, các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế.

B. Về kỹ năng

B1. Có năng lực về ngoại ngữ, tin học, kỹ năng lập luận, tính toán đáp ứng nhu cầu của công việc thực tế

B2. Có kỹ năng đánh giá, phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo, năng lực dẫn dắt, giải quyết vấn đề.

B3. Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

B4. Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

C. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

C1. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ kế toán

C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động liên quan tới chuyên môn.

C5. Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán và môi trường kinh doanh để phục vụ cho công việc chuyên môn

1.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên ngành Kế toán có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm tốt, có thể tự thành lập các đơn vị doanh nghiệp trong lĩnh vực Kế toán ; có đủ khả năng làm việc ở các lĩnh vực liên quan tới ngành Kế toán. Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc tại các đơn vị trực thuộc các Bộ ngành liên quan (Bộ Tài chính; Sở tài chính; Phòng Kế toán; ...) và các đơn vị sự nghiệp như: Trường học, bệnh viện, UBND, Các Tập đoàn, Tổng cục, Tổng công ty, Công ty cổ phần, công ty TNHH; các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ liên quan đến Kế toán.

1.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tiếp tục học tập các chương trình đào tạo ở trình độ cao hơn hoặc các chương trình đào tạo khác cùng khối ngành kinh tế.

Có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức mới để phục vụ chuyên môn

II. CHUẨN ĐẦU VÀO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Kế toán là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

III. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Kiến thức

+ *Kiến thức giáo dục đại cương*

3.1.1. Hiểu được Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, kinh tế học đại cương, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, vận dụng được các kiến thức LLCT, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.

3.1.2. Vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

3.1.3. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

+ *Kiến thức chuyên môn*

3.1.4. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.

3.1.5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương

3.2.2. Thực hiện các hoạt động, các thao tác tính toán chính xác, linh hoạt trong lĩnh vực được học.

3.2.3. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn

3.2.4. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

3.2.5. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

3.3.1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

3.3.2. Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

3.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực kế toán

3.3.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến ngành kế toán

3.3.5. Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán và môi trường kinh doanh để phục vụ cho công việc chuyên môn

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo														
	Kiến thức					Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm				
	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	3.3.5
A1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
A2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
A3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
A4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
A5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
B1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
B2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
B3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
B4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
C1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
C2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
C3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
C4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

IV. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 05 năm

V. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ: 140 tín chỉ

(Chưa kể học phần giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng và An ninh)

VI. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

5.1. Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

5.2. Người tốt nghiệp đại học các ngành khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoặc của các trường đại học khác có thể học chương trình thứ hai theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

VII. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và các văn bản hiện hành.

VIII. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

8.1. Phương pháp giảng dạy

1. Thuyết giảng/thuyết trình

Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể.

2. Giải thích cụ thể

Giáo viên sẽ giải thích và hướng dẫn chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, hoặc các vấn đề trong thực tế xã hội giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu về cả kiến thức và kỹ năng.

3. Thảo luận

Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề đặc biệt là các vấn đề thực tế; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.

4. Đặt vấn đề/ giải quyết vấn đề

Giảng viên tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển sinh viên phát hiện vấn đề hay thách thức trong thực tế để sinh viên hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề bằng quan điểm cá nhân và kiến thức đã lĩnh hội. Thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác

5. Thực hành

Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài hoặc có thể tiến hành theo cá nhân. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản qua các bài thực hành từ đơn giản cho đến phức tạp.

6. Thực tế

Sinh viên được tìm hiểu thực tế các hoạt động tại doanh nghiệp qua đó việc lĩnh hội các kiến thức đã được học sẽ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được liên quan đến chủ đề của nội dung học tập.

7. Làm việc nhóm

Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các chủ đề được giảng viên giao nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc trình bày bằng slide.

8. Đọc và nghiên cứu tài liệu

Phương pháp này phát triển khả năng tự học của sinh viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học.

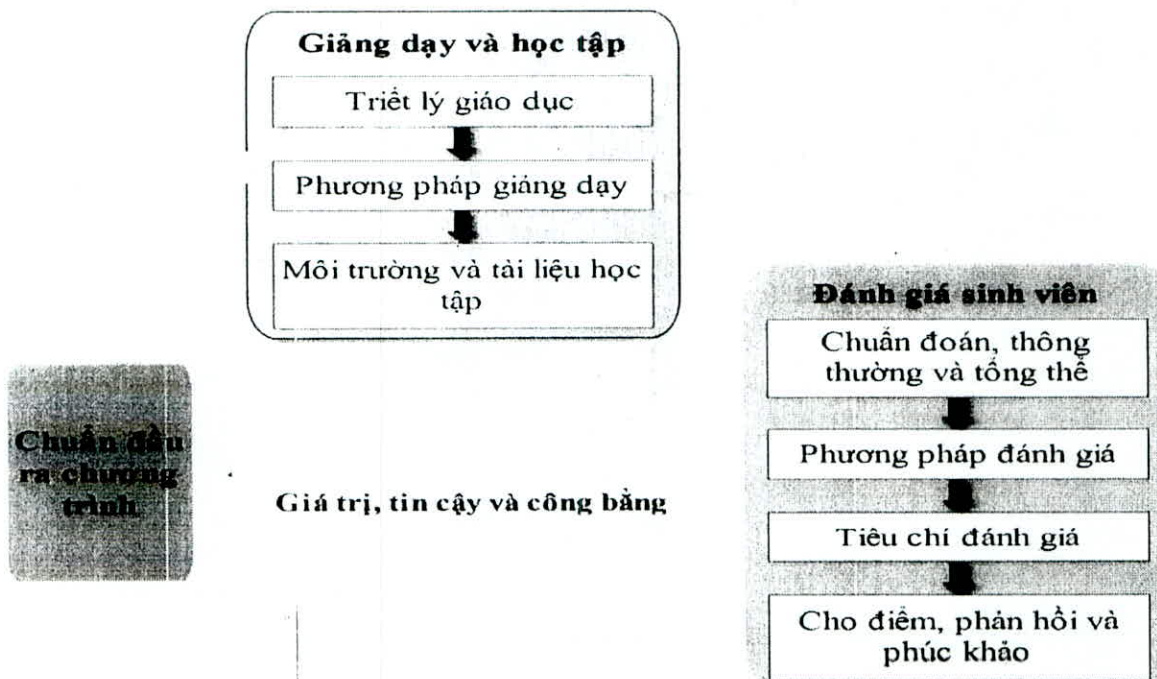
9. Khóa luận tốt nghiệp

Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, tìm hiểu, tổ chức và đánh giá đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày.

Ngoài ra còn ứng dụng phương pháp dạy học bằng công nghệ (Giáo viên và sinh viên sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (Teams, zoom, Facebook, Zalo ...).

8.2. Quy trình đánh giá

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, việc đánh giá đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài kiểm tra ngắn, bài tiểu luận, bài thi thực hành, tham quan doanh nghiệp, thực tập doanh nghiệp, đo lường trong phòng thí nghiệm, bài trình bày, ... Chuẩn đánh giá là các rubrics học phần, gồm rubrics thang điểm, rubrics phân tích và một số rubrics tổng hợp và đáp án môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình [Hình 1].



Hình 1. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên

8.3 Cách tính điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh

giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 sử dụng cho điểm thành phần của học phần.

Thang điểm 10			Điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
8,5	÷	10	A	4,0	Đạt
7,0	÷	8,4	B	3,0	
5,5	÷	6,9	C	2,0	
4,0	÷	5,4	D	1,0	
Dưới 4,0			F	0	Không đạt

8.4. Rubric đánh giá

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Học phần: Thực tập tốt nghiệp

Loại hình đánh giá: Đánh giá kỹ năng Báo cáo thực tập (*dành cho Báo cáo hội đồng*)

a. Sau khi hoàn thành thực tập tốt nghiệp sinh viên cần phải đạt được:

➤ 1. Yêu cầu về báo cáo thực tập tốt nghiệp:

- ❖ 1.1. Để được chấm báo cáo, sinh viên phải trình bày báo cáo thực tập tốt nghiệp đúng theo mẫu của Bộ môn. nếu không đúng yêu cầu, báo cáo của sinh viên sẽ không được chấm điểm. Nếu trình bày khác mẫu cần phải nêu lý do tại sao lại trình bày khác mẫu.
- ❖ 1.2. Trình bày theo mẫu gồm:
 - Trình bày đúng font chữ và cách căn chỉnh lề
 - Trình bày đúng theo cấu trúc và format
 - Trình bày đúng nội dung của từng mục

➤ 2. Yêu cầu về kỹ năng mềm

- ❖ 2.1. Có kỹ năng viết một báo cáo thực tập
- ❖ 2.2. Có kỹ năng trình bày slide và thuyết trình một báo cáo thực tập
- ❖ 2.3. Có kỹ năng làm việc theo nhóm đi thực tập cùng một nơi
- ❖ 2.4. Có kỹ năng trả lời các câu hỏi

b. Đánh giá báo cáo thực tập

1. Điểm thuyết trình (2điểm)		
1.1. Cách trình bày slide (1 điểm)		
0.5 điểm	0.5 điểm	1 điểm
Slide không sử dụng hình ảnh, chỉ toàn chữ	Slide có sử dụng hình ảnh, biểu đồ. Tuy nhiên phần chữ vẫn còn nhiều	Slide được trình bày hợp lý, đẹp mắt. Slide có nhiều hình ảnh.
1.2. Cách trình bày báo cáo của sinh viên (1 điểm) (mỗi phần tích 0.5 điểm)		

1.2.1. Sinh viên trình bày đúng thời gian quy định		<input type="checkbox"/>	
1.2.2. Sinh viên khi trình bày có sử dụng ngôn ngữ cơ thể và giao tiếp ánh mắt với người nghe, hấp dẫn và thu hút người nghe.		<input type="checkbox"/>	
2. Điểm báo cáo (2 điểm)			
0.5 điểm Trong báo cáo sinh viên chỉ trình bày được nội dung của 1 phần trong tổng số các phần theo yêu cầu	1 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày được nội dung của 2 phần trong tổng số các phần theo yêu cầu	1.5 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày được nội dung của 3 phần trong các phần theo yêu cầu	2 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày được nội dung của tất cả các phần theo yêu cầu
3. Sinh viên trình bày về các công việc đang được thực hiện ở công ty có liên quan đến ngành học của mình (2 điểm)			
3.1. Sinh viên trình bày các công việc đang được thực hiện ở công ty có liên quan đến ngành học của mình(1 điểm)			
0.25 điểm Các công việc sinh viên đưa ra không phù hợp với ngành đào tạo	0.5 điểm Các công việc sinh viên đưa ra có phù hợp với ngành đào tạo	1 điểm Các công việc sinh viên đưa ra hoàn toàn phù hợp với ngành đào tạo	
3.2. Sinh viên liên hệ các công việc đó với những kiến thức/môn học đã được học (công việc nào cần kiến thức của môn học nào)(1 điểm)			
0.25 điểm Sinh viên chưa liên hệ được giữa công việc và kiến thức/môn học đã được học	0.5 điểm Mối liên hệ được giữa công việc và kiến thức/môn học đã được học được sinh viên đưa ra chưa hợp lý	1 điểm Mối liên hệ được giữa công việc và kiến thức/môn học đã được học được sinh viên đưa ra hoàn toàn hợp lý	
4. Sinh viên đưa ra ý kiến, cảm nhận của mình về các công việc đã tìm hiểu hoặc được giới thiệu ở công ty (2 điểm)			
4.1. Sinh viên đưa ra ý kiến về công việc mình muốn được/có thể đảm nhận ở công ty thực tập (nếu sinh viên cảm thấy không có công việc nào phù hợp với mình thì đưa ra lý do tại sao) (1 điểm)			
0 điểm Sinh viên không cảm thấy có công việc phù hợp và cũng không nêu lý do hoặc không đưa ra ý kiến		1 điểm Sinh viên đưa ra được sự lựa chọn công việc cho mình và đưa ra lý do mình chọn hoặc sinh viên không cảm thấy có công việc phù hợp và đưa ra lý do hợp lý	

4.2. Sinh viên tự đưa ra đánh giá khả năng mình có đáp ứng được yêu cầu của công việc hay không; Nếu thấy mình chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, đưa ra các yếu tố còn thiếu của mình để đáp ứng được công việc (1 điểm)	
0 điểm Sinh viên không đưa ra được lý do hay giải thích về việc mình có khả năng đáp ứng được nhu cầu công việc mà mình chọn hay không	1 điểm Sinh viên đưa ra được các đánh giá khả năng đáp ứng công việc của mình hoặc đưa ra đánh giá về các yếu tố còn thiếu của mình để đáp ứng được công việc
5. Sinh viên trình bày về hướng nghiên cứu dự kiến của khóa luận tốt nghiệp của mình (2 điểm)	
5.1. Hướng nghiên cứu dự kiến phù hợp với ngành kế toán, với tài liệu đã thu thập được (1 điểm)	<input type="checkbox"/>
5.2. Hướng nghiên cứu dự kiến của sinh viên phù hợp với định hướng chuyên sâu và có tính thời sự (1 điểm)	<input type="checkbox"/>

RUBRIC ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Học phần: Khóa luận tốt nghiệp

Loại hình đánh giá: **Rubric đánh giá nội dung khóa luận**

(dành cho GVHD, GVPB và báo cáo hội đồng)

a. Sau khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp sinh viên phải đạt được những yêu cầu sau:

1. Yêu cầu về quyển Khóa luận:

1.1. Để được chấm, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải trình bày khóa luận đúng theo mẫu, đáp ứng các yêu cầu chất lượng nội dung khóa luận của Bộ môn và được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn, nếu không khóa luận của sinh viên sẽ không được chấm điểm. Nếu trình bày khác mẫu, nội dung chưa đáp ứng yêu cầu cần phải nêu lý do.

1.2 Trình bày theo mẫu gồm:

- Trình bày đúng font chữ và các cách căn chỉnh lề
- Trình bày đúng theo cấu trúc và format
- Trình bày đúng nội dung của từng mục
- Chất lượng các nội dung phải đáp ứng yêu cầu của Bộ môn

2. Yêu cầu chuẩn đầu ra:

2.1. Tổng hợp, phân tích, xử lý và đánh giá được các điều kiện địa lý tự nhiên, kinh tế xã hội liên quan và ảnh hưởng ở một vùng cụ thể.

2.2. Biết tìm hiểu, lựa chọn và áp dụng phương pháp đánh giá... hợp lý và khả thi. Các kết quả đạt được phù hợp với thực tiễn, có độ tin cậy, rõ ràng và đạt được mục tiêu yêu cầu.

2.3. Các phân tích, luận giải có cơ sở khoa học và thực tiễn để đưa ra các phương án thiết

kế thi công các hạng mục nghiên cứu, đánh giá, khai thác, sử dụng, quản lý và phát triển;
2.4. Các giải pháp đưa ra có hiệu quả cao, có khả năng áp dụng vào thực tế, có khả năng phát triển và nhân rộng;

2.5. Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản, các phần mềm chuyên môn trong việc giải quyết các vấn đề của đề án tốt nghiệp; Có được các kỹ năng tìm hiểu, tham khảo các tài liệu liên quan, nhất là tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài.

b. Đánh giá khóa luận tốt nghiệp (GVHD, GVPB)

1. Khóa luận có được trình bày theo mẫu – mục 1 (1,0 điểm) (mỗi mục nhỏ 0.25 điểm)			
1.1. Nội dung của các mục trong trang thông tin kết quả nghiên cứu có rõ ràng và phù hợp với tiêu đề các mục			<input type="checkbox"/>
1.2. Chất lượng ngôn ngữ, văn phong sử dụng trong khóa luận là tốt			<input type="checkbox"/>
1.3. Không có nhiều lỗi trình bày về hình, bảng và chính tả			<input type="checkbox"/>
1.4. Hình ảnh được sử dụng trong đồ án được trình bày hợp lý, đẹp và rõ ràng và phù hợp với nội dung cần minh họa			<input type="checkbox"/>
2. Phần I - Có kiến thức về đặc điểm chung một lĩnh vực trong ngành Kế toán (2 điểm) – mục 2.1.			
0,5 điểm Kiến thức được đưa vào một cách qua loa, không chọn lọc và chủ yếu là copy and paste	1,0 điểm Kiến thức được đưa vào có chọn lọc nhưng chủ yếu là copy and paste	1,5 điểm Kiến thức được đưa vào có chọn lọc và được viết lại theo ngôn ngữ của sinh viên	2,0 điểm Kiến thức được đưa vào có chọn lọc và được viết lại theo ngôn ngữ của sinh viên. Ngoài ra có các nhận xét của sinh viên cho từng phần
3. Phần II: Phần chuyên môn – Phân tích, đánh giá (2,0 điểm) (mục 2.1, 2.2 và 2.4)			
3.1. Phương pháp đưa ra để giải quyết vấn đề có hợp lý, kết quả đánh giá dự báo đúng, phù hợp với thực tế (1,0 điểm)			<input type="checkbox"/>
0.25 điểm Đưa ra phương pháp luận cùng kết quả đánh giá, dự báo ở mức độ qua loa chưa có giải thích hay phân tích hoặc copy and paste	0.5 điểm Đưa ra được phương pháp luận cùng với giải thích, phân tích và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý hoặc chưa thuyết phục, hoặc chưa phù hợp với thực tế	0,75 điểm Đưa ra được phương pháp luận cùng với giải thích, phân tích và các kết quả đánh giá, dự báo hợp lý	1,0 điểm Đưa ra được phương pháp luận cùng với giải thích, phân tích và các kết quả đánh giá, dự báo hợp lý + có sự so sánh với các giải pháp khác và liên hệ thực tế.
3.2. Phương pháp giải quyết vấn đề có được mô tả đầy đủ, cơ sở khoa học và thực tế			<input type="checkbox"/>

rõ ràng? (giải thích rõ các bước trong quy trình) (1 điểm)			
0.25 điểm	0.5 điểm	0.75 điểm	1 điểm
Mô tả các phương pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý nhưng ở mức độ qua loa chưa có giải thích hay mô tả cụ thể	Mô tả các phương pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý với sự giải thích nhưng chưa có mô tả	Mô tả các phương pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý với sự giải thích hợp lý có mô tả	Mô tả các phương pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo với sự giải thích hợp lý có mô tả chi tiết
4. Phần III: Thiết kế (2,0 điểm)- mục 2.1 và 2.4			
4.1. Đủ các bản vẽ thiết kế cho các hạng mục công trình đảm bảo đúng các quy định hiện hành (1,0 điểm)			<input type="checkbox"/>
4.2. Trình bày, luận giải mục đích, khối lượng, thiết kế các phương pháp thực hiện các hạng mục (1,0 điểm)			
0,25 điểm	0.5 điểm	1,0 điểm	
Các hạng mục, dạng công tác được thiết kế trong khóa luận (mục đích, khối lượng phương pháp thực hiện...) chưa được trình bày hợp lý, rõ ràng, chưa phù hợp với mục tiêu đặt ra.	Các hạng mục, dạng công tác được thiết kế trong khóa luận (mục đích, khối lượng và phương pháp thực hiện...) chưa được trình bày hợp lý, rõ ràng. Tuy nhiên, đã thể hiện đầy đủ khối lượng và phương pháp, các bước thực hiện.	Các hạng mục, dạng công tác được thiết kế trong đồ án (mục đích, khối lượng và phương pháp thực hiện...) được trình bày hợp lý, dễ hiểu và giải quyết được vấn đề	
5. Phần IV: Dự trù nguồn lực, tổ chức thực hiện (1,0 điểm), mục 2.1.2, 2.3 và 2.4.			
0.25 điểm	0.5 điểm	0.75 điểm	1,0 điểm
Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện không phù hợp và gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế.	Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện có gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế, nhưng chưa có cơ sở rõ ràng.	Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện phù hợp có gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế, có cơ sở rõ ràng.	Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện phù hợp có gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế, có cơ sở rõ ràng, hiệu quả và khả thi.
6. Tính sáng tạo và khả năng ứng dụng (1,5 điểm)			<input type="checkbox"/>
6.1. Có tính sáng tạo (cải tiến hoặc nâng cấp hạng mục, phương pháp thực hiện, dạng công tác, thiết bị, quy trình, cấu tạo phần mềm các sản phẩm đã có hoặc đưa ra phương pháp/ giải pháp để giải quyết 1 vấn đề mới) (0,75 điểm)			<input type="checkbox"/>
0.2 điểm	0.4 điểm	0.5 điểm	0,75 điểm
Sản phẩm của khóa	Sản phẩm của khóa	Sản phẩm của khóa luận đưa ra một cải	Sản phẩm của khóa

luận đưa ra một cải tiến cho 1 tính năng của sản phẩm đã có.	luận đưa ra một cải tiến cho 2 tính năng sản phẩm đã có và có phân tích và giải thích.	tiên cho nhiều hơn 2 tính năng sản phẩm đã có, ngoài ra sản phẩm của đồ án có các tính năng mới cùng với các phân tích, giải thích.	luận là mới so với các đồ án khác hoặc dưới dạng chuyên đề chuyên sâu cho một lĩnh vực cụ thể.
6.2. Sản phẩm có khả năng ứng dụng trong thực tiễn (0,75 điểm) <input type="checkbox"/>			
0.2 điểm Sản phẩm của khóa luận có khả năng đưa vào sử dụng trong thực tiễn nếu khi nâng cấp thêm	0.4 điểm Sản phẩm của khóa luận có khả năng đưa vào sử dụng trong thực tiễn nếu được chỉnh sửa lại các lỗi nhỏ	0.5 điểm Sản phẩm của khóa luận có khả năng sử dụng ngay trong thực tiễn	0,75 điểm Sản phẩm của khóa luận đã bước đầu được ứng dụng/sử dụng trong thực tiễn
7. Kết luận: Kết quả đạt được (0,5 điểm)			
7.1. Kết quả đạt được có bám sát mục tiêu đặt ra (0.25 điểm) <input type="checkbox"/>			
7.2. Kết quả đạt được là tin cậy, rõ ràng (0.25 điểm) <input type="checkbox"/>			

c. Đánh giá kỹ năng báo cáo khóa luận tốt nghiệp (Hội đồng đánh giá)

1. Điểm trình bày (2,0 điểm)			
1.1. Cách trình bày slide kèm theo treo các bản vẽ minh họa (1,0 điểm)			
0,25 điểm Slide không sử dụng hình ảnh, chỉ toàn chữ, không treo bản vẽ minh họa.	0.5 điểm Slide sử dụng chữ là chủ đạo, ít hình ảnh, có treo bản vẽ minh họa nhưng không đủ.	0,75điểm Slide có sử dụng hình ảnh, biểu đồ. Tuy nhiên phần chữ vẫn còn nhiều có treo đủ bản vẽ minh họa	1,0 điểm Slide được trình bày hợp lý, đẹp mắt. Slide có nhiều hình ảnh, có bản vẽ minh họa sạch đẹp, đúng quy định.
1.2. Sinh viên có sự chuẩn bị tốt: trình bày tự tin, trôi chảy, rõ ràng (0,75 điểm)			
0, 25 điểm Sinh viên chỉ đọc những chữ có trong slide	0.5 điểm Sinh viên có trình bày chưa tự tin, còn ngắt ngứ	0,75 điểm Sinh viên có sự chuẩn bị tốt: trình bày tự tin, trôi chảy, rõ ràng.	
1.3. Cách trình bày khóa luận của sinh viên (0.5 điểm) (mỗi phân tích 0.25 điểm)			
1.3.1 Sinh viên trình bày đúng thời gian quy định			<input type="checkbox"/>
1.3.2 Sinh viên khi trình bày có sử dụng ngôn ngữ cơ thể và giao tiếp ánh mắt			<input type="checkbox"/>

với người nghe			
2. Điểm đánh giá các nội dung trình bày (3 điểm)			
0,75 điểm	1,5 điểm	2,25 điểm	3,0 điểm
Chỉ trình bày được 1/4 nội dung của khóa luận, không nắm vững các kiến thức chuyên môn.	Chỉ trình bày được 1/2 nội dung của khóa luận, nắm các kiến thức chuyên môn không sâu.	Trình bày được 3/4 nội dung của khóa luận, nắm vững các kiến thức chuyên môn tương đối chắc.	Trình bày được đầy đủ các nội dung của khóa luận, nắm chắc các kiến thức chuyên môn. Ngoài ra có các nhận xét của sinh viên cho từng phần
3. Trả lời câu hỏi (5,0 điểm). Mỗi câu từ 0,5 đến 1,0 điểm			
3.1 . Tổng số câu hỏi (5 – 10 câu)			
3.2 .Tổng số câu hỏi sinh viên trả lời được			
4 Nhận xét về sinh viên: có dấu hiệu sinh viên không hiểu nội dung khóa luận <input type="checkbox"/>			
Điểm khóa luận bằng 0	70% điểm khóa luận	100% điểm khóa luận	
Nếu sinh viên có dấu hiệu không hiểu khóa luận thì điểm khóa luận sẽ bằng 0 (<i>sinh viên không trả lời được câu hỏi nào hoặc các câu trả lời không đúng với nội dung câu hỏi</i>)	Sinh viên chỉ nắm được 1 phần nội dung khóa luận của mình (<i>sinh viên chỉ trả lời được từ 1 đến 3 câu hỏi của hội đồng hoặc các câu trả lời của sinh viên trả lời chưa đúng với trọng tâm câu hỏi</i>)	Sinh viên nắm được phần lớn nội dung khóa luận của mình (<i>sinh viên trả lời được hầu hết các câu hỏi có trong nội dung khóa luận của hội đồng. Câu trả lời của sinh viên trả lời đa phần đúng với trọng tâm câu hỏi</i>)	

IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

9.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Phần chương trình	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương	41
1.1	Lý luận chính trị	11
1.2	Khoa học xã hội - Nhân văn	4
1.3	Ngoại ngữ (kể cả tiếng Anh chuyên ngành)	12
1.4	Toán học - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường	11
1.5	Giáo dục thể chất	4
1.6	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	165tiết

1.7	Kỹ năng mềm	3
2	Giáo dục chuyên nghiệp	99
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	12
2.2	Kiến thức chung của ngành	20
2.3	Chuyên ngành: Kế toán	57
2.3.1	<i>Khối lượng bắt buộc</i>	55
2.3.2	<i>Khối lượng tự chọn</i>	2
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp	6
Tổng khối lượng		140

9.2. Danh mục khối lượng các học phần trong chương trình đào tạo:

TT	Mã HP	Bộ môn quản lý	Tên học phần	Tín chỉ		
				Tổng	LT	TH
9.1			KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41	37	4
9.1.1			Lý luận chính trị	11	11	0
1	02CHINHTRI302	LLCT	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	02CHINHTRI303	LLCT	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	02CHINHTRI201	LLCT	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
4	02CHINHTRI304	LLCT	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	02CHINHTRI305	LLCT	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
9.1.2			Khoa học xã hội - Nhân văn	4	4	0
6	02LUAT101	LLCT	Pháp luật đại cương	2	2	0
7	02KHXXH103	LLCT	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2	0
9.1.3			Ngoại ngữ (kể cả tiếng Anh chuyên ngành)	12	11	1
8	02TANH101	NN	Tiếng anh cơ bản 1	4	3,5	0,5
9	02TANH102	NN	Tiếng anh cơ bản 2	4	3,5	0,5
10	ĐHCQ0283	NN	Tiếng anh chuyên ngành 1 (KETOAN)	2	2	0
11	ĐHCQ0284	NN	Tiếng anh chuyên ngành 2 (KETOAN)	2	2	0
9.1.4			Toán học - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường	11	9	2
9.1.4.1			PHẦN BẮT BUỘC	9	8	1
12	02TOAN101	TOAN	Toán cao cấp 1	3	3	0
13	02TOAN202	TOAN	Toán cao cấp 2	3	3	0
14	02TINHOC101	KHMT	Nhập môn tin học	3	2	1

TT	Mã HP	Bộ môn quản lý	Tên học phần	Tín chỉ		
				Tổng	LT	TH
9.1.4.2			PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1 trong các học phần sau)	2	2	0
15	02TOAN220	TOAN	Xác suất thống kê	2	2	0
16	02KHXH105	LLCT	Văn hóa kinh doanh	2	2	0
9.1.5			Giáo dục thể chất	4	0	4
17	ĐHCQ0072	GDTC	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
18	ĐHCQ0073	GDTC	Giáo dục thể chất 2	2	0	2
19	ĐHCQ0074	GDTC	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
9.1.6			Giáo dục Quốc phòng và an ninh	8,5	93	72
20	QPAN2020_1	GDQP	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45 tiết	0 tiết
21	QPAN2020_2	GDQP	Công tác quốc phòng an ninh	2	30 tiết	0 tiết
22	QPAN2020_3	GDQP	Quân sự chung	1,5	14 tiết	16 tiết
23	QPAN2020_4	GDQP	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	4 tiết	56 tiết
9.1.7			Kỹ năng mềm	3	2	1
24	ĐHCQ0123	LLCT	Kỹ năng mềm	3	2	1
9.2			KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	99	77	22
9.2.1			Kiến thức cơ sở ngành	12	12	0
25	02kinhte101	QTKD	Kinh tế vi mô	3	3	0
26	02kinhte102	QTKD	Kinh tế vĩ mô	3	3	0
27	02DHKETOAN132	QTKD	Marketing căn bản	2	2	0
28	02DHKETOAN142	TCNH	Tài chính Tiền tệ	2	2	0
29	02Dhketoan482	QTKD	Nguyên lý thống kê	2	2	0
9.2.2			Kiến thức chung của ngành	20	20	0
30	ĐHCQ0139	LLCT	Luật kinh tế	2	2	0
31	02DhQTKD104	KT	Toán kinh tế	3	3	0
32	02DHTchinh221	TCNH	Toán tài chính	3	3	0
33	ĐHCQ0188	TCNH	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0
34	02DHKETOAN141	TCNH	Thị trường chứng khoán	2	2	0
35	02DHTCHINH107	TCNH	Thuế	3	3	0
36	02quantri301	QTKD	Quản trị học	2	2	0
37	02ketoan360	KT	Kiểm toán căn bản	2	2	0

TT	Mã HP	Bộ môn quản lý	Tên học phần	Tín chỉ		
				Tổng	LT	TH
9.2.3			Kiến thức chuyên ngành	57	45	12
			PHẦN BẮT BUỘC	55	43	12
38	ĐHCQ0156	KT	Nguyên lý kế toán(KETOAN)	4	4	0
39	02tinhoc380	KT	Tin học kế toán	2	1	1
40	ĐHCQ0087	KT	Kế toán 1	3	3	0
41	ĐHCQ0088	KT	Kế toán 2	3	3	0
42	ĐHCQ0089	KT	Kế toán 3	3	3	0
43	ĐHCQ0020	KT	Đề án Kế toán 1	2	0	2
44	ĐHCQ0021	KT	Đề án kế toán 2	2	0	2
45	ĐHCQ0022	KT	Đề án Kế toán 3	2	0	2
46	ĐHCQ0097	KT	Kế toán quản trị(KETOAN)	4	4	0
47	02DHKETOAN147	KT	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	3	0
48	ĐHCQ0094	KT	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	3	3	0
49	ĐHCQ0301	KT	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2	2	0
50	ĐHCQ0095	KT	Kế toán máy	3	1	2
51	02DHQTKD101	QTKD	Thống kê doanh nghiệp	2	2	0
52	ĐHCQ0158	KT	Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp(KETOAN)	4	4	0
53	ĐHCQ0093	KT	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3	3	0
54	ĐHCQ0091	KT	Kế toán chi phí	3	3	0
55	ĐHCQ0100	KT	Kế toán thuế	3	3	0
56	ĐHCQ0023	KT	Đề án Kế toán DN vừa và nhỏ	2	0	2
57	ĐHCQ0085	KT	Hướng dẫn chuyên đề thực tập	2	1	1
			PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1 trong các học phần sau)	2	2	0
58	02tchinh370	TCNH	Định giá tài sản	2	2	0
59	ĐHCQ0092	KT	Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ	2	2	0
9.2.4			Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
60	ĐHCQ0325	KT	Thực tập tốt nghiệp(KETOAN)	4	0	4

TT	Mã HP	Bộ môn quản lý	Tên học phần	Tín chỉ		
				Tổng	LT	TH
9.2.5			Khóa luận tốt nghiệp hoặc đăng ký học phần chuyên sâu thay thế	6	6	6
61	DHCQ0107	KT	Khóa luận tốt nghiệp(KETOAN)	6	0	6
62	02DHKETOAN151	KT	Kế toán công ty	3	3	0
63	DHCQ0090	KT	Kế toán 4	3	3	0
Tổng tín chỉ toàn khóa (chưa kể GDQP & GDTC)				140	114	26

9.3. Kỳ học theo kế hoạch chuẩn

PHẦN KHỞI KIẾN THỨC HỌC CHUNG NGÀNH		
TT	Học kỳ I	Số tín chỉ
1	Triết học Mác - Lênin	3
2	Tiếng anh cơ bản 1	4
3	Toán cao cấp 1	3
4	Nhập môn tin học	3
5	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	8,5
Cộng khối lượng học kỳ I (Chưa tính học phần GDQP)		13
TT	Học kỳ II	Số tín chỉ
1	Kỹ năng mềm	3
2	Giáo dục thể chất 1	1
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
4	Tiếng anh cơ bản 2	4
5	Toán cao cấp 2	3
6	Kinh tế vĩ mô	3
Cộng khối lượng học kỳ II (Chưa tính học phần GDTC)		15
TT	Học kỳ III	Số tín chỉ
1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Giáo dục thể chất 2	2
4	Kinh tế vi mô	3
5	Nguyên lý kế toán(KETOAN)	4
6	Tài chính tiền tệ	2
Cộng khối lượng học kỳ III (Chưa tính học phần GDTC)		13
TT	Học kỳ IV	Số tín chỉ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2

2	Giáo dục thể chất 3	1
3	Pháp luật đại cương	2
4	<i>(Chọn 1 trong các học phần sau)</i>	2
	Xác suất thống kê	2
	Văn hóa kinh doanh	2
5	Toán kinh tế	3
6	Quản trị học	2
7	Kế toán 1	3
Cộng khối lượng học kỳ IV (Chưa tính học phần GDTC)		14
TT	Học kỳ V	Số tín chỉ
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
2	Luật kinh tế	2
3	Tài chính doanh nghiệp	3
4	Nguyên lý thống kê	2
5	Đề án Kế toán 1	2
6	Kế toán 2	3
Cộng khối lượng học kỳ V		14
TT	Học kỳ VI	Số tín chỉ
1	Marketing căn bản	2
2	Toán tài chính	3
3	Thống kê doanh nghiệp	2
4	Kế toán 3	3
5	Đề án Kế toán 2	2
6	Kiểm toán căn bản	2
Cộng khối lượng học kỳ VI		14
TT	Học kỳ VII	Số tín chỉ
1	Đề án Kế toán 3	2
2	Tiếng anh chuyên ngành 1 (KETOAN)	2
3	Kế toán quản trị (KETOAN)	4
4	Thị trường chứng khoán	2
5	Thuế	3
6	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
Cộng học kỳ VII		16
TT	Học kỳ VIII	Số tín chỉ
1	Tin học kế toán	2
2	Kiểm toán báo cáo tài chính	3
3	Đề án kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
4	Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (KETOAN)	4
5	Kế toán thuế	3
Cộng khối lượng học kỳ VIII		14
TT	Học kỳ IX	Số tín chỉ

1	(Chọn 1 trong các học phần sau)	2
	<i>Định giá tài sản</i>	2
	<i>Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ</i>	2
2	Kế toán máy	3
3	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2
4	Kế toán chi phí	3
5	Tiếng Anh chuyên ngành 2(KETOAN)	2
6	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	3
	Cộng khối lượng học kỳ IX	15
TT	Học kỳ IX	Số tín chỉ
1	Hướng dẫn chuyên đề thực tập	2
2	Thực tập tốt nghiệp(KETOAN)	4
3	Khóa luận tốt nghiệp(KETOAN) (hoặc đăng ký học phần chuyên sâu thay thế) <i>Kế toán công ty</i> <i>Kế toán 4</i>	6
	Cộng khối lượng học kỳ X	12
	Tổng số tín chỉ toàn khóa <i>(Chưa tính học phần GDQP và GDTC)</i>	140

9.4. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

CÁC MÔN HỌC & HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO														
		Kiến thức					Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm				
		3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	3.3.5
8.1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG															
8.1.1	Lý luận chính trị															
1	Triết học Mác - Lênin	3						2			1					
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3						1	1							
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3						1	1							
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3						1	1							
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3						1	1							
8.1.2	Khoa học xã hội - Nhân văn															
6	Pháp luật đại cương	3						1	2							
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2						2	2							
8.1.3	Ngoại ngữ (kể cả tiếng Anh chuyên ngành)															
8	Tiếng anh cơ bản 1		2			3				2	2	2	2			
9	Tiếng anh cơ bản 2		2			3				2	2	2	2			
10	Tiếng anh chuyên ngành 1(KETOAN)		2			3				2	2	2	2	2	2	2
11	Tiếng anh chuyên ngành 2(KETOAN)		2			3				2	2	2	2	2	2	2
8.1.4	Toán học - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường															
8.1.4.1	PHẦN BẮT BUỘC															
12	Toán cao cấp 1		2					2			2	2	2			
13	Toán cao cấp 2		2					2			2	2	2			
14	Nhập môn tin học		1	3				1	2		2	2	1			
8.1.4.2	PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1 trong các học phần sau)															
15	Xác suất thống kê		2					2			1		1			
16	Văn hóa kinh doanh	1							2	2						
8.1.5	Giáo dục thể chất															
17	Giáo dục thể chất 1	3	2					2		3	2	2				
18	Giáo dục thể chất 2	3	2					2		3	2	2				
19	Giáo dục thể chất 3	3	2					2		3	2	2				

CÁC MÔN HỌC & HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO														
		Kiến thức					Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm				
		3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	3.3.5
8.1.6	Giáo dục Quốc phòng và an ninh															
20	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	2	2				2			3	2	2			
21	Công tác quốc phòng an ninh	3	2	2				2			3	2	2			
22	Quân sự chung	2	3	2				3			3	3	3			
23	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	3	2				3			3	3	3			
8.1.7	Kỹ năng mềm															
24	Kỹ năng mềm	1						3		2						
8.2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP															
8.2.1	Kiến thức cơ sở ngành															
25	Kinh tế vi mô		1		2			2	1		1	2				
26	Kinh tế vĩ mô		1		2			2	2		1	2				
27	Marketing căn bản		2	3	2	2		2	1	2	2	2	2	2	2	
28	Tài chính, tiền tệ				2				2			2				
29	Nguyên lý thống kê		2		3			3	2		2	2				
8.2.2	Kiến thức chung của ngành															
30	Luật kinh tế								1		2					
31	Toán kinh tế		2	2	1	1		2			1	2	2		1	
32	Toán tài chính		1			1		2				1				
33	Tài chính doanh nghiệp	2	2		2	2		2	2	2	2	2		2	2	
34	Thị trường chứng khoán		2		2	2		2	2	2	2	2		2	2	
35	Thuế		2		2	2		2			2	2				
36	Quản trị học		2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	
37	Kiểm toán căn bản		2	2	2	2		2	2	2	2	2		2	2	
8.2.3	Kiến thức chuyên ngành															
	PHẦN BẮT BUỘC															
38	Nguyên lý kế toán(KETOAN)		2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	
39	Tin học kế toán		2	2	3	3		2	2	2	2	2	2	2	2	
40	Kế toán 1	1	1	1	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	

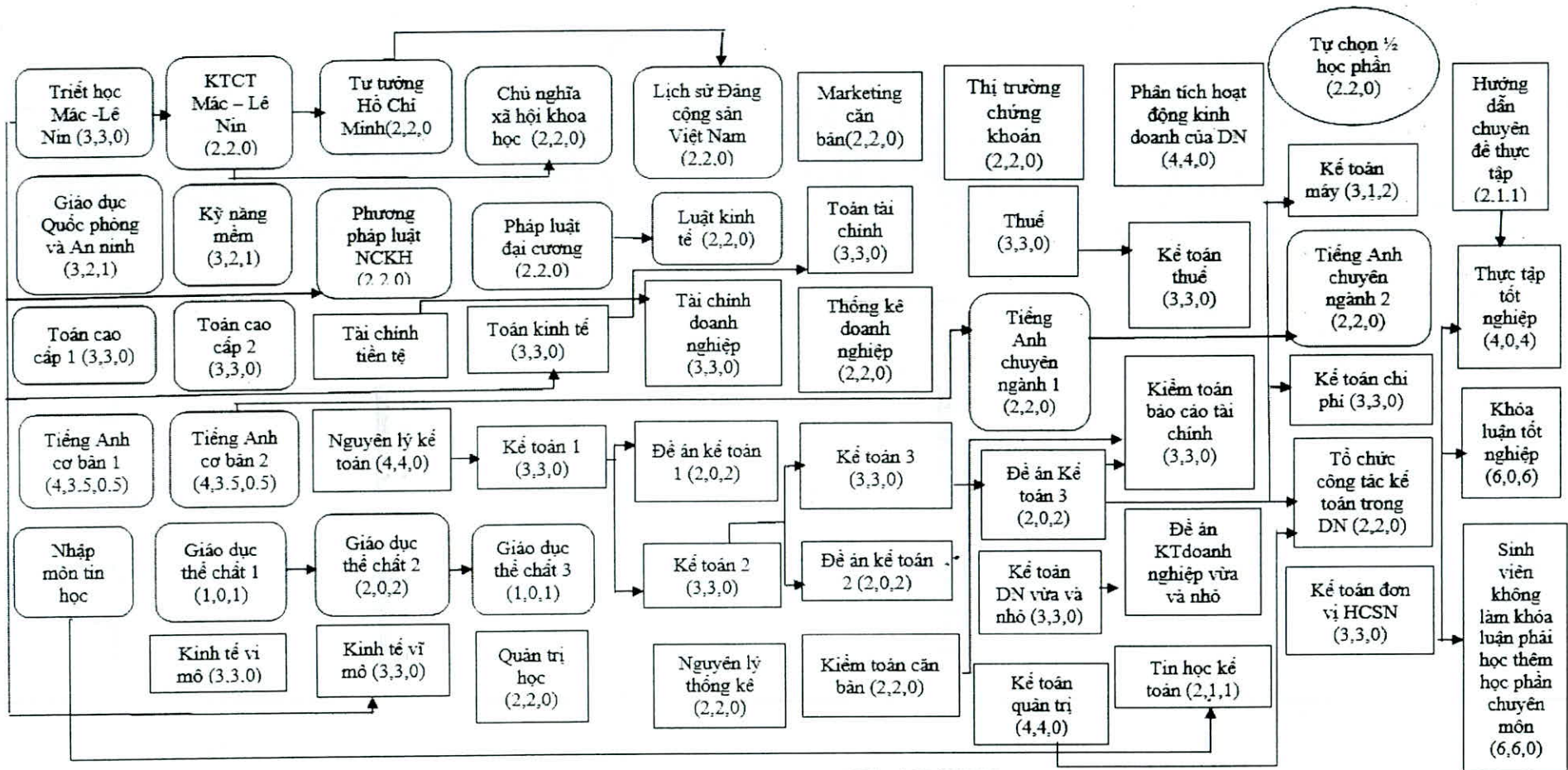
CÁC MÔN HỌC ĐƯỢC HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO														
		Kiến thức					Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm				
		3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	3.3.5
41	Kế toán 2		1	1	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2
42	Kế toán 3		2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	3	3	3
43	Đề án Kế toán 1				2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2
44	Đề án kế toán 2	1	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	3	2	2
45	Đề án Kế toán 3		2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	3	3	3
46	Kế toán quản trị(KETOAN)		2	2	3	2		2	2	2	2	2	2	2	3	3
47	Kiểm toán báo cáo tài chính		2	2	3	2		2	2	2	2	2	2	2		
48	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp		1	1	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2
49	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	1	1	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2
50	Kế toán máy		2	3	3	3		3	3		3	3	3	2	3	3
51	Thống kê doanh nghiệp		2		2	2		2	2		2	2	2	2	2	2
52	Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp(KETOAN)		2	2	3	3		3	2		3	2	2	2		
53	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	1	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	3	3	3
54	Kế toán chi phí		1	1	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2
55	Kế toán thuế	1	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2
56	Đề án Kế toán DN vừa và nhỏ	1	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	3	3	3
57	Hướng dẫn chuyên đề thực tập	2	2	2	2	2		3	3	2	2	2	2	3	3	3
	PHẦN TỰ CHỌN(chọn 1 trong các học phần sau)															
58	Định giá tài sản		2		2			2				2	2	2		
59	Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ		2	2	3	2		2	2		2	2		2	3	3
8.2.4	Thực tập tốt nghiệp															
60	Thực tập tốt nghiệp (KETOAN)	1	1	2	2	3		2	3	2	2	2	2	3	2	2
8.2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc đăng ký học phần chuyên sâu thay thế															
61	Khóa luận tốt nghiệp(KETOAN)	1	1	2	2	3		2	3	2	2	2	3	3	2	2
62	Kế toán công ty	1	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2
63	Kế toán 4	1	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2

Ghi chú : 3: đáp ứng cao; 2: đáp ứng trung bình; 1: đáp ứng thấp; - Không đáp ứng

9.5. KẾ HOẠCH THEO TỪNG NĂM HỌC : Đơn vị: Tuần

Năm học	Học		Thi		Nghỉ		Dự trữ	Tổng	Ghi chú
	LT	TH	HK	TN	Hè	Tết			
I	30		12		5	3	2	52	
II	30		12		5	3	2	52	
III	30		12		5	3	2	52	
IV	30		12		5	3	2	52	
V	30		12		5	3	2	52	
Cộng	150		60		25	15	10	260	

9.6 TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO



HKI: 13 TC HKII: 15TC HKIII: 13TC HKIV: 14TC HKV: 14TC HKVI: 15TC HKVII: 16TC HKVIII: 14TC HK IX: 15TC HKX:12TC

9.7. Kế hoạch thực tập

TT	Loại hình (tham quan, thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp.....)	Thời gian (tuần)	Học kỳ	Địa điểm (tại trường/ ngoài trường)	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp	4	X	Ngoài trường	
2	Khóa luận tốt nghiệp	6	X	Ngoài trường	
	Tổng số	10			

9.8. Dự kiến danh mục các học phần dạy học trực tuyến

TT	Tên học phần dạy học trực tuyến	Tổng số tín chỉ	Ghi chú
1	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
3	Pháp luật đại cương	2	
4	Tài chính Tiền tệ	2	
5	Luật kinh tế	2	
6	Thị trường chứng khoán	2	
7	Quản trị học	2	
8	Kiểm toán căn bản	2	
9	Kiểm toán Báo cáo tài chính	3	
10	Tổ chức công tác kế toán trong DN	2	
11	Định giá tài sản	2	
	Tổng cộng:	23	

X. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

10.1. Mô tả tóm tắt các học phần giáo dục đại cương.

1. Tên học phần số 1: Triết học Mác – Lênin (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ Kiến thức: Hiểu biết chung về Triết học và Triết học Mác – Lênin; Hiểu biết được các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng trong triết học Mác – Lênin: Vật chất – Ý thức; các phạm trù cơ bản, các nguyên lý, các quy luật của phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức... Hiểu biết được các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong triết học Mác – Lênin: sản xuất vật chất; mối quan hệ biện chứng giữa LLSX với QHSX; mối quan hệ biện chứng giữa CSHT với KTTT; Hình thái KT – XH; Vấn đề giai cấp, dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội; mối quan hệ biện chứng giữa TTXH – YTXH; Vấn đề con người

+ Kỹ năng: Phân tích và vận dụng được các quan điểm, học thuyết triết học để nhận thức và cải tạo trong hoạt động thực tiễn; Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể

tiếp cận được nội dung môn học khác như: Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam... cũng như đường lối lãnh đạo của Đảng.; Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, đóng góp cho tập thể, thảo luận, thuyết trình vấn đề chuyên môn về thế giới quan và nhân sinh quan.

+ Thái độ: phân hoàn thiện thế giới quan và nhân sinh khoa học; Xây dựng được niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

- Nội dung: Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 8 chương:

Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội

Chương 2. Vật chất và ý thức

Chương 3. Phép biện chứng duy vật

Chương 4. Lý luận nhận thức

Chương 5. Học thuyết về hình thái Kinh tế - xã hội

Chương 6. Giai cấp và Dân tộc, Nhà nước và Cách mạng xã hội

Chương 7. Ý thức xã hội

Chương 8. Triết học về con người

2. Tên học phần số 2: Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lênin

- Mục tiêu:

+ Kiến thức:

Nắm được khái niệm, phương pháp nghiên cứu, đối tượng và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Hiểu được và phân tích được các lý luận cơ bản về hàng hoá, sản xuất hàng hoá cũng như thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Hiểu được vấn đề cơ bản nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư và tích lũy tư bản cũng như các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.

Người học hiểu và phân tích được các vấn đề cơ bản về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Người học phân tích được bản chất của kinh tế thị trường định hướng XHCN và quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ những kiến thức cơ bản về kinh tế, hiểu và nắm vững các chủ trương đường lối của Đảng trong công cuộc đổi mới, trong quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

+ Kỹ năng:

Hiểu được các vấn đề kinh tế chính trị cơ bản của kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng XHCN, cách mạng công nghiệp và hội nhập quốc tế

Xác định trách nhiệm công dân của mình trong việc tham gia các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp ra trường.

+ Thái độ:

Sự yêu thích, hứng thú với môn học.

Ý thức tích cực, tự giác, thường xuyên tìm hiểu, vận dụng kiến thức đã học vào phân tích vấn đề kinh tế, xã hội có liên quan.

- Nội dung: Căn cứ mục tiêu chương trình đào tạo, học phần chia thành 05 chương:

Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT Mác - Lênin

Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xhcn và hội nhập kinh tế của Việt Nam

3. Tên học phần số 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Người học phải học xong các học phần Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác– Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Mục tiêu

+ *Kiến thức*

Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

Hiểu và phân tích được TTHCM về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam;

Hiểu và phân tích được sự sáng tạo của Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và TTHCM về xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân;

Phân tích và vận dụng được TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay;

Hiểu, phân tích, vận dụng được TTHCM về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người.

+ *Kỹ năng*

Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết trong thực tiễn đời sống, học tập

+ *Thái độ*

Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội;

Nhận thức được vai trò, giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam;

Thấy được trách nhiệm của bản thân trong học tập rèn luyện để góp phần vào xây dựng bảo vệ Tổ quốc

Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Nội dung:

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người

4. Tên học phần số 4: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Mục tiêu:

Trình bày được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá lãnh đạo của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hiểu được sự hình thành, bổ sung và phát triển đường lối của Đảng qua các thời kỳ cách mạng

Phân tích sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, và đường lối lãnh đạo của Đảng từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội Chủ nghĩa. Vận dụng kiến thức Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Bồi dưỡng cho sinh viên lòng yêu nước, niềm tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng. Tự hào đối với Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh; nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

- Nội dung: Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiễn trong học tập, cuộc sống

5. Tên học phần số 5: Chủ nghĩa xã hội khoa học (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi người học học xong các học phần Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác– Lênin

- Mục tiêu:

+ *Kiến thức*: Người học nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin; Hiểu và phân tích được khái niệm, đặc điểm của giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Hiểu và phân tích được các đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Hiểu, phân tích được vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Người học nắm được cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Người học hiểu được phân đề tôn giáo, phân tích được vấn đề tôn giáo trong thời kỳ XHCN và mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.

+ *Kỹ năng*: Phân tích được các quan điểm, đặc điểm, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và vận dụng những tri thức trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH.

+ *Thái độ*: Sự yêu thích, hứng thú với môn học; Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXHKKH và nền tảng tư tưởng của Đảng; Có ý thức tự giác, thường xuyên tìm hiểu, vận dụng những kiến thức đã học vào xem xét, giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan.

- Nội dung:

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học

Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

6. Tên học phần số 6: Pháp luật đại cương (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ Kiến thức:

Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm bắt một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng của nhà nước và pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật lao động.

+ Kỹ năng:

Hình thành các kỹ năng tự nghiên cứu và học tập các môn chuyên ngành.

Đễ dàng tiếp cận với các môn học khác có liên quan đến pháp luật.

Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, thảo luận, thuyết trình vấn đề chuyên môn.

+ Thái độ:

Thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật. Xây dựng ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của mỗi sinh viên.

Hình thành ý thức và thói quen xử sự phù hợp với quy định của pháp luật. Biết lựa chọn những hành vi đúng đắn trong các mối quan hệ xã hội cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

- Nội dung: Học phần gồm 8 chương. 3 chương đầu là phần mở đầu giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận cơ bản nhất, đồng thời nhằm nâng cao ý thức công dân trong việc tuân thủ pháp luật.

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật.

Chương 2: Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật.

Chương 3: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Các ngành luật cụ thể được thể hiện ở 5 chương còn lại, trình bày tương đối chi tiết và có hệ thống về một số ngành luật cơ bản như luật Hiến pháp, luật hành chính, luật lao động, luật dân sự, luật hình sự. Nội dung của các ngành luật đó được gắn với quyền và nghĩa vụ công dân giúp sinh viên tiếp cận trực tiếp với đời sống thực tiễn của pháp luật.

Chương 4: Luật Hiến pháp Việt Nam.

Chương 5: Luật hành chính Việt Nam.

Chương 6: Luật lao động và bảo hiểm xã hội.

Chương 7: Luật dân sự và luật tố tụng dân sự.

Chương 8: Luật hình sự và luật tố tụng hình sự

7. Tên học phần số 7: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ Kiến thức: Trang bị một số kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; Nắm được cách chọn lựa đề tài nghiên cứu, giới hạn vấn đề - phạm vi nghiên cứu, lập đề cương

chi tiết, lên kế hoạch trước khi bắt tay vào triển khai nghiên cứu; các bước thực hiện công trình hay đề tài nghiên cứu khoa học; Nắm được các Phương pháp thu thập và xử lý thông tin phục vụ cho nghiên cứu; Nắm được cách thức viết, trình bày bản báo cáo kết quả nghiên cứu – Đặc biệt là các tiểu luận, đề án, luận văn tốt nghiệp; Nắm được một số nội dung của đạo đức khoa học.

+ Kỹ năng: Kỹ năng vận dụng các kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học vào học tập và thực tiễn; Rèn một số kỹ năng thực hành trong phương pháp nghiên cứu khoa học như: Phương pháp mô tả, kỹ năng điều tra bằng bảng câu hỏi; . Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, đóng góp cho tập thể, thảo luận, thuyết trình vấn đề trong nghiên cứu.

+ Thái độ: Góp phần hoàn thiện thể giới quan khoa học; Hình thành lòng ham hiểu biết về nghiên cứu khoa học; Hình thành thái độ nghiêm túc, tư duy linh hoạt, sáng tạo; Hình thành tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực vận dụng khoa học nghiên cứu

- Nội dung: Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

Chương 1. Khoa học và Nghiên cứu khoa học

Chương 2. Đề tài nghiên cứu khoa học

Chương 3. Tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

Chương 4: Các phương pháp thu thập và xử lý thông tin

Chương 5. Trình bày luận điểm khoa học

Chương 6. Đạo đức khoa học

8. Tên học phần số 8: Tiếng Anh cơ bản 1 (4; 3,5; 0,5)

- Điều kiện tiên quyết: Không

8.1. Kiến thức:

8.1.1. Phần từ vựng, ngữ pháp: Sinh viên được học các thì tiếng Anh: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn; should, must/mustn't, needn't/don't have to; mạo từ; lượng từ; giới từ; các cấu trúc câu: so sánh, there is/are; các liên từ (while, as, when). Sinh viên được học các cụm từ thông dụng trong các bối cảnh khác nhau, các chủ đề quen thuộc: sở thích, miêu tả người, cảm nhận, tả cảnh, thời tiết, phim, chương trình truyền hình...

8.1.2. Phần ngữ âm: Sinh viên được học các nguyên âm, cách phát âm các âm cuối của động từ ngôi thứ 3 số ít, động từ quá khứ theo quy tắc, bất quy tắc, và một số các âm riêng lẻ; Sinh viên làm quen và luyện tập trọng âm từ, trọng âm câu.

8.1.3. Sinh viên được luyện tập kỹ năng đọc hiểu đối với các dạng bài khác nhau với các chủ đề quen thuộc với cuộc sống hàng ngày.

8.1.4. Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nghe hiểu qua các bài hội thoại, phỏng vấn, độc thoại...

8.1.5. Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nói hội thoại, độc thoại, trình bày về bản thân, miêu tả tranh, tả một người quen, cho lời khuyên ...

8.2. Kỹ năng:

8.2.1. Sinh viên hiểu và làm quen với các thì được học trong tiếng Anh. Sinh viên sử dụng được các từ vựng liên quan đến một số chủ đề nhất định và có thể hiện sự cố gắng khi diễn đạt các chủ đề đã học;

8.2.2. Sinh viên có khả năng đọc hiểu và nắm được ý các bài đọc ngắn liên quan đến các chủ đề quen thuộc, trả lời được các câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được đề cập trong bài đọc.

8.2.3. Sinh viên có thể giới thiệu các thông tin cơ bản về bản thân, trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc đã được học; Sinh viên có chú ý đến cách phát âm các từ đơn lẻ.

8.2.4. Sinh viên có thể hiểu được ý chính trong các hội thoại giao tiếp quen thuộc hằng ngày, xác định được chủ đề của các hội thoại khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

8.2.5. Sinh viên có khả năng viết miêu tả bản thân, viết một bức thư đơn giản mời ai đó tham gia một hoạt động cùng mình, sử dụng các mẫu câu đơn giản, từ ngữ quen thuộc.

8.3. Nội dung học phần:

Sinh viên hiểu được cách sử dụng và phân biệt được các thì cơ bản của động từ tiếng Anh bao gồm thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, biết sử dụng các dạng so sánh của tính từ, biết sử dụng mạo từ, các từ chỉ số lượng. Sinh viên có thể áp dụng các kiến thức về ngôn ngữ bao gồm các cấu trúc ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, v.v để trình bày quan điểm cá nhân, miêu tả người, phong cảnh hay thời tiết, thực hiện các bài hội thoại, viết một đoạn văn ngắn...; có thể dịch được những đoạn văn ngắn sang tiếng Anh hoặc ngược lại.

Các kỹ năng: Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được tích hợp trong các bài giảng theo giáo trình.

Học phần gồm 5 bài, trong đó có một bài giới thiệu mở đầu.

9. Tên học phần số 9: Tiếng Anh cơ bản 2 (4; 3,5; 0,5)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng anh cơ bản 1;

- Mục tiêu:

9.1. Kiến thức

9.1.1. Phần từ vựng, ngữ pháp: Tiếp tục giới thiệu các thì trong tiếng Anh như hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, so sánh giữa các thì trong tiếng Anh; Giới thiệu và nâng cao các cấu trúc phức trong tiếng Anh, các câu điều kiện loại I, II, câu gián tiếp; câu hỏi gián tiếp...

9.1.2. Phần ngữ âm: Phân biệt cách phát âm các nguyên âm, phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu.

9.1.3. Sinh viên được luyện tập kỹ năng đọc hiểu đối với các dạng bài khác nhau với các chủ đề khác nhau trong bài học.

9.1.4. Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nghe hiểu qua các bài học ở trên lớp với các chủ đề đã được hướng dẫn trong phần ngữ pháp, từ vựng.

9.1.5. Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nói trao đổi và tranh luận về các chủ đề quen thuộc với lượng từ vựng đa dạng, phong phú hơn, sử dụng linh hoạt hơn

9.2 Kỹ năng

9.2.1. Sinh viên hiểu và sử dụng một cách chủ động các thì được học trong tiếng Anh. Sinh viên nắm được các từ vựng liên quan đến một số chủ đề nhất định và có thể hiện sự cố gắng khi diễn đạt các chủ đề đã học; Sinh viên có thể sử dụng các cấu trúc câu được học một cách chủ động, biết cách áp dụng các từ vựng sát với chủ đề.

9.2.2. Sinh viên có khả năng đọc hiểu và nắm được ý các bài đọc liên quan đến các chủ đề quen thuộc, nắm bắt được ý chính, trả lời được các câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được đề cập trong bài đọc.

9.2.3. Sinh viên có thể giới thiệu trôi chảy về bản thân, trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc đã được học; Biết vận dụng các từ nối đã học khi nói. Sinh viên có chú ý đến cách phát âm các từ đơn lẻ và đôi khi có để ý đến trọng âm câu.

9.2.4. Sinh viên có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hàng ngày, xác định được chủ đề của các hội thoại khi được diễn đạt chậm và rõ ràng, có thể hiểu được ý chính trong các hướng dẫn chỉ đường, thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản.

9.2.5. Sinh viên có khả năng viết miêu tả bản thân, miêu tả bức ảnh mình yêu thích, viết thư cảm ơn (informal), miêu tả nơi mình ở.

9.3. Nội dung học phần:

- Học phần gồm 5 đơn vị bài học về các chủ điểm: Nghề nghiệp, du lịch, tiền tệ, tội phạm và khoa học.

- Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên về: các thời của động từ như đã học trong tiếng Anh cơ bản 1, và một số thời khác như: hiện tại hoàn thành tiếp diễn, quá khứ hoàn thành. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp thêm về thể bị động, lời nói gián tiếp, câu điều kiện loại 2 trong tiếng Anh, và các cấu trúc được sử dụng trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học.

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

10. Tên học phần số 10: Tiếng Anh chuyên ngành 1(KETOAN): (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong tiếng anh cơ bản 1, 2;

- Mục tiêu: Đối với Học phần tiếng Anh chuyên ngành 1, sinh viên cần nắm bắt những nội dung chính về các vấn đề kinh tế, từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, có khả năng phân tích và trình bày về các vấn đề kinh tế.

- Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Rèn luyện kỹ năng đọc và dịch chuyên ngành kế toán, bổ sung vốn từ chuyên ngành, nâng cao năng lực giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Anh.

11. Tên học phần số 11: Tiếng Anh chuyên ngành 2(KETOAN): (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong tiếng anh chuyên ngành 1

- Mục tiêu: Nhằm giúp sinh viên thực hành kỹ năng : Nghe, Nói và Đọc ở trình độ Intermediate và Uper Intermediate (tương đương với cấp độ B1 – B2). Với hai học phần tiếng Anh chuyên ngành 1 và tiếng Anh chuyên ngành 2, sinh viên được cung cấp lượng kiến thức cơ bản phong phú về các nội dung kinh tế, kết thúc hai học phần này người học có khả năng tự đọc tài liệu các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, ... bằng tiếng Anh, giúp tăng khả năng tự nghiên cứu tài liệu bằng tiếng Anh phục vụ cho nghề nghiệp hay hoạt động nghiên cứu trong tương lai

- Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Rèn luyện kỹ năng đọc và dịch chuyên ngành kế toán, bổ sung vốn từ chuyên ngành, nâng cao năng lực giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Anh.

12. Tên học phần số 12: Toán cao cấp 1 (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Mục tiêu:

Kiến thức:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được các kiến thức về phép tính giải tích hàm số một biến số và phép tính giải tích hàm số nhiều biến số.

Kỹ năng:

Tính được giới hạn của dãy số, áp dụng quy tắc L'Hospital tính được giới hạn của hàm số, giải được bài toán xét sự hội tụ của chuỗi số, tìm tập hội tụ của chuỗi lũy thừa, tính được đạo hàm, vi phân, tích phân hàm số nhiều biến số, tính được cực trị của hàm số nhiều biến số, giải được bài toán tính tích phân hai lớp, ba lớp, tính tích phân đường.

Nâng cao năng lực tư duy toán học, rèn luyện tính linh hoạt, sáng tạo và khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn.

Thái độ:

Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học.

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.

- Nội dung học phần: Học phần gồm các nội dung: phép tính giải tích hàm số một biến số, bao gồm giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân hàm một biến, tích phân xác định, tích phân suy rộng, chuỗi ; phép tính giải tích hàm số nhiều biến số: bao gồm đạo hàm riêng, vi phân, tích phân hai lớp, tích phân ba lớp, tích phân đường

13. Tên học phần số 13: Toán cao cấp 2 (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học xong toán cao cấp 1

- Mục tiêu:

Kiến thức:

Sau khi học xong học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về: Phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, trị riêng - vectơ riêng.

Kỹ năng:

- Sinh viên có kỹ năng giải phương trình vi phân cơ bản, thực hiện các phép toán ma trận, tính được định thức, giải hệ phương trình tuyến tính. Sinh viên giải được bài toán chứng minh không gian véc tơ, tìm tọa độ của vectơ trong cơ sở, chứng minh ánh xạ tuyến tính và các bài toán liên quan, tìm được vectơ riêng, giá trị riêng của ma trận và của ánh xạ tuyến tính; tìm được ma trận làm chéo hoá ma trận đã cho.

- Nâng cao năng lực tư duy toán học, rèn luyện tính linh hoạt cho sinh viên, tạo tiền đề cho sự phát triển khả năng sáng tạo.

Thái độ

- Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học Toán cao cấp 2.

- Sinh viên có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình học tập và nghiên cứu.

- Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức về: phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, trị riêng và vectơ riêng của ma trận- ánh xạ tuyến tính, chéo hoá ma trận.

14. Tên học phần số 14: Nhập môn tin học (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- **Mục tiêu:** Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức:

Hiểu được các khái niệm cơ bản trong tin học, các tính năng cơ bản của hệ điều hành Windows; Internet;

Hiểu được các khái niệm cơ bản trong việc trình bày văn bản và các công cụ trong phần mềm Microsoft Word để soạn thảo văn bản;

Nắm được các khái niệm cơ bản trong việc trình bày bảng tính, quản lý dữ liệu trong bảng tính và áp dụng được các công cụ của Microsoft Excel để tạo lập và truy xuất dữ liệu trên bảng tính.

Nắm được các khái niệm cơ bản trong trình bày báo cáo và áp dụng được các công cụ trong phần mềm Microsoft PowerPoint để trình bày báo cáo.

Học phần hình thành các kỹ năng:

Hình thành kỹ năng sử dụng máy tính: quản lý các tài liệu thông tin lưu trữ trong máy tính;

Vận dụng được một số kỹ năng cơ bản trong sử dụng máy tính để tra cứu thông tin, truyền thông tin thông qua sử dụng các dịch vụ internet, email;

Thành thạo các kỹ năng cơ bản về tạo lập và trình bày văn bản, bảng tính và báo cáo.

Áp dụng được các công cụ để trình bày văn bản có tính mỹ thuật, trình bày và truy xuất dữ liệu trong bảng tính có hiệu quả, trình bày báo cáo khoa học.

- Nội dung học phần:

Trình bày các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông. Kỹ năng hoạt động với môi trường Window và khai thác sử dụng các dịch vụ trên Internet.

Giới thiệu về các thuật ngữ và khái niệm trong tin học, cách biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử;

Trình bày các khái niệm về soạn thảo văn bản, các tính năng của các công cụ trong phần mềm Microsoft Word để soạn thảo văn bản.

Giới thiệu bảng tính Excel; trình bày cách sử dụng các hàm tính toán, xử lý cơ sở dữ liệu cơ bản và trình bày bảng tính trong Microsoft Excel.

Các khái niệm về Microsoft PowerPoint, cách sử dụng các công cụ trong phần mềm để thiết kế, tạo lập file trình chiếu.

15. Tên học phần số 15: Xác suất thống kê (2,2, 0)

- Điều kiện tiên quyết: Đã học xong các học phần toán cao cấp 1, toán cao cấp 2.

- Mục tiêu của học phần:

Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán.

Kỹ năng:

Tính được xác suất bằng định nghĩa cổ điển và các định lý cơ bản của xác suất, từ đó áp dụng vào các bài toán thực tế. Biết cách lập bảng phân phối xác suất, hàm phân phối xác suất, tính toán thành thạo các tham số đặc trưng như kỳ vọng, phương sai. Biết cách tìm hàm mật độ, biết cách tính xác suất của biến ngẫu nhiên thông qua hàm mật độ, hàm phân phối, qua đó áp dụng vào các bài toán thực tế cụ thể. Tính toán thành thạo các tham số đặc trưng của mẫu: kỳ vọng mẫu, phương sai mẫu.

Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng toán học để học tập và nghiên cứu các môn học liên quan, có khả năng vận dụng giải quyết các bài toán trong chuyên ngành và thực tiễn.

Thái độ: Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học Toán xác suất thống kê, sinh viên có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình học tập và nghiên cứu, hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

- Nội dung học phần:

+ Lý thuyết xác suất: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất của chúng.

+ Thống kê: Tổng thể nghiên cứu, mẫu ngẫu nhiên, thống kê, các thống kê đặc trưng của mẫu ngẫu nhiên

16. Tên học phần số 16: Văn hóa kinh doanh (2,2, 0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:
- + Kiến thức:
 - Nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về văn hoá và văn hoá kinh doanh cũng như những vấn đề lý luận cơ bản của các yếu tố cấu thành nên văn hoá kinh doanh.
 - Hiểu được biểu hiện của văn hoá kinh doanh tại một chủ thể kinh doanh cụ thể - doanh nghiệp để hình thành nên văn hoá doanh nghiệp. Qua đó, thấy rằng văn hoá kinh doanh là một nhân tố có ảnh hưởng rất quan trọng đối với sự phát triển của doanh nghiệp.
 - Hiểu được vấn đề cơ bản về Triết lý kinh doanh, vai trò và cách thức xây dựng triết lý kinh doanh trong Doanh nghiệp.
 - Người học hiểu và phân tích được các vấn đề cơ bản về Đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp: Khái niệm, vai trò, nhân tố cấu thành và những biểu hiện cụ thể.
 - Người học phân tích được vai trò của yếu tố văn hoá doanh nhân trong hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
 - Người học hiểu rõ vai trò, yếu tố quan trọng và tác động của Văn hoá doanh nghiệp trong toàn bộ hoạt động của Doanh nghiệp.
 - Người học phân tích và hiểu rõ những biểu hiện của văn hoá ứng xử, cách xây dựng văn hoá ứng xử trong Doanh nghiệp.
 - Người học liên hệ kiến thức về Văn hoá kinh doanh với thực tiễn vấn đề này trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.
- + Kỹ năng:
 - Vận dụng kiến thức đã học được để phân tích tác động, vai trò của văn hoá kinh doanh trong mọi hoạt động của doanh nghiệp đặc biệt là văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp.
 - Rèn luyện được những kỹ năng để tổ chức ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hoá kinh doanh trong quá trình tham gia các hoạt động kinh doanh, góp phần làm cho hoạt động kinh doanh đạt kết quả cao và phát triển bền vững.
- + Thái độ:
 - Sinh viên yêu thích, hứng thú học tập môn văn hoá kinh doanh.
 - Sinh viên ý thức thật sâu sắc vai trò của văn hoá trong hoạt động kinh doanh để nghiêm túc tạo dựng, phát triển và duy trì các giá trị văn hoá khi tham hoạt động sản xuất kinh doanh trong thực tiễn.
 - Nội dung: Căn cứ mục tiêu chương trình đào tạo, học phần chia thành 06 chương:
 - Chương 1: Tổng quan về văn hoá kinh doanh
 - Chương 2: Triết lý kinh doanh
 - Chương 3: Đạo đức kinh doanh
 - Chương 4: Văn hoá doanh nhân
 - Chương 5: Văn hoá doanh nghiệp
 - Chương 6: Văn hoá ứng xử trong các hoạt động kinh doanh

17. Tên học phần số 17: Giáo dục thể chất 1 (1,0,1)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học chương trình môn Giáo dục thể chất 1 dựa trên những kiến thức tích lũy được ở môn GDTC hệ phổ thông trung học và trung học cơ sở.
- Mục tiêu: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển; những kiến thức cơ bản về: nguyên lý và thực hành kỹ thuật, phương pháp tổ chức tập luyện, trọng tài môn điền kinh phát triển các tố chất thể lực trong quá trình học tập rèn luyện và lao động nghề nghiệp sau khi ra trường.

- Nội dung học phần: Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Điền kinh. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện điền kinh. Các kỹ thuật cơ bản của chạy cự ly 100 mét, 400m và 800m. Phương pháp tổ chức tập luyện và thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

Người học nắm được những kiến thức lý luận cơ bản về phương pháp tập luyện thể dục thể thao, các quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động và sự phát triển các tố chất thể lực, giáo dục đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật để không ngừng phát triển con người cân đối toàn diện, nâng cao hiệu quả học tập và thực hành tay nghề.

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về bài tập, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao Điền Kinh.

18. Tên học phần số 18: Giáo dục thể chất 2 (2,0,2)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học chương trình môn Giáo dục thể chất 2 dựa trên những kiến thức tích lũy được ở môn GDTC hệ phổ thông trung học và trung học cơ sở, sau khi học xong chương trình Giáo dục thể chất 1.

- Mục tiêu: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển; những kiến thức cơ bản về: nguyên lý và thực hành kỹ thuật, phương pháp tổ chức tập luyện, trọng tài môn cầu lông; phát triển các tố chất thể lực trong quá trình học tập rèn luyện và lao động nghề nghiệp sau khi ra trường.

- Nội dung học phần: Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, giao cầu, đánh cầu thấp tay phải, trái, cao tay phải trái, đánh cầu cao sâu, đập cầu. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

19. Tên học phần số 19: Giáo dục thể chất 3 (1,0,1)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học chương trình môn Giáo dục thể chất 3 dựa trên những kiến thức tích lũy được ở môn GDTC sau khi học xong chương trình Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2.

- Mục tiêu: Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức về lý thuyết Bóng rổ và nắm được Luật Bóng rổ cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ, biết vận dụng các kiến thức môn Bóng rổ để rèn luyện bản thân.

- Nội dung học phần: Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng rổ. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng rổ. Luật Bóng rổ. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, dẫn bóng, chuyền - bắt bóng, ném rổ 1 tay trên cao. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

20. Tên học phần số 20: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (3; 45;0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

- Mục tiêu của học phần:

+ **Kiến thức:** Trang bị một số kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng ta; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, nghệ thuật quân sự Việt Nam; một số quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN; về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; về kết hợp phát triển kinh tế- xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng- an ninh.

+ **Kỹ năng:** Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu giáo trình GDQP, AN và thực hành thu thập các thông tin, tài liệu khác trên mạng.

+ **Thái độ:** Bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa, tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay khi đang học, rèn luyện trong Nhà trường và ở môi trường công tác tiếp theo.

* **Nội dung học phần:** Học phần đề cập những nội dung cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

21. Tên học phần số 21: Công tác quốc phòng an ninh (2; 30;0)

- **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

- **Mục tiêu của học phần:**

+ **Kiến thức:** Trang bị một số kiến thức cơ bản về công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh; về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng; những vấn đề cơ bản phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, an toàn thông tin trên mạng; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh ở Việt Nam.

+ **Kỹ năng:** Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu giáo trình GDQP, AN và thực hành thu thập các thông tin, tài liệu khác trên mạng.

+ **Thái độ:** Bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay khi đang học, rèn luyện trong Nhà trường và ở môi trường công tác tiếp theo.

* **Nội dung học phần:** Học phần đề cập những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

22. Tên học phần số 22: Quân sự chung (1,5; 14;16)

- **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

- **Mục tiêu của học phần:**

+ **Kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần và các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội trong doanh trại; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội, điều lệnh đội ngũ; bản

đồ địa hình quân sự, phòng chống dịch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và ba môn quân sự phối hợp.

+ **Kỹ năng:** Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu kiến thức quân sự chung và biết thực hành điều lệnh đội ngũ, ba môn quân sự phối hợp.

+ **Thái độ:** Bồi dưỡng nhân cách, nâng cao phẩm chất, năng lực và ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc các quy định trong học tập và rèn luyện.

* **Nội dung học phần:** Học phần bao gồm lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức quân sự chung

23. Tên học phần số 23: **Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (2; 4; 56)**

- **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

- **Mục tiêu của học phần:**

+ **Kiến thức:** Trang bị kiến thức và rèn luyện cho sinh viên về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; Từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu tiến phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

+ **Kỹ năng:** Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu kiến thức quân sự chung và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu tiến phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

+ **Thái độ:** Bồi dưỡng ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc các quy định về thao trường và đảm bảo an toàn về người, vũ khí trang bị trong quá trình học tập, rèn luyện.

* **Nội dung học phần:** **Học phần bao gồm lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**

24. Tên học phần số 24: **Kỹ năng mềm (3,2,1)**

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Mục tiêu:**

+ Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thành công trong học tập, cuộc sống cũng như trong công việc. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn hơn về sự cần thiết của các kỹ năng mềm, phương pháp hình thành và rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng quản lý bản thân; kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề.

+ Biết vận dụng các kiến thức đã học để quản lý hiệu quả bản thân; phương pháp làm việc phối hợp khi tham gia làm việc nhóm; vận dụng được phương pháp thuyết trình vào học tập và công việc; vận dụng được các kỹ năng để giải quyết vấn đề trong thực tế.

+ Có ý thức đúng đắn trong nhìn nhận, đánh giá để thay đổi suy nghĩ, hành vi, thái độ để từ đó có lối sống, học tập tích cực; Có ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; Có khả năng thích ứng trong môi trường học tập và làm việc đa văn hóa.

- **Nội dung:** Học phần gồm 5 chương, chương 1 giới thiệu tổng quát về kỹ năng mềm. 4 chương còn lại cung cấp các kiến thức và hướng dẫn rèn luyện một số kỹ năng cơ bản cho người học, như: kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề. Những kiến thức và kỹ năng rèn luyện được sẽ đặt nền tảng giúp sinh viên có thể học tập hiệu quả hơn trong các học phần sau

9.2. Mô tả tóm tắt các học phần cơ sở ngành

25. Tên học phần số 25: **Kinh tế vi mô (3,3,0)**

- Điều kiện tiên quyết: học sau học phần Triết học Mác – Lênin

- Mục tiêu: Sau khi học xong học phần sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh tế học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế học thực chứng, kinh tế học chuẩn tắc cũng như các quy luật kinh tế cơ bản. Nắm được khái niệm cung cầu hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến cung cầu hàng hoá cũng như mối quan hệ giữa giá và lượng của cung cầu hàng hoá. Ngoài ra sinh viên còn biết lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng, của doanh nghiệp và cấu trúc của thị trường.

- Nội dung học phần:

Chương 1: Nhập môn kinh tế vi mô

Chương 2: Cung cầu và thị trường hàng hoá

Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng

Chương 4: Lý thuyết lựa chọn của doanh nghiệp

Chương 5: Thị trường – cạnh tranh và độc quyền.

26. Tên học phần số 26: Kinh tế học vĩ mô (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vi mô

- Mục tiêu : Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, kỹ năng đánh giá và phân tích các hiện tượng và các sự kiện kinh tế vĩ mô, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của sinh viên đối với sự vận hành của nền kinh tế và thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô, làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này, và giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

- Nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung chủ yếu: Tổng cung, tổng cầu của nền kinh; Các chỉ tiêu hạch toán tổng sản phẩm quốc dân; Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Chính sách tài khoá; Mô hình IS-LM; Lạm phát, thất nghiệp; Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở

27. Tên học phần số 27: Marketing căn bản (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Kinh tế vi mô, vĩ mô.

- Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản nhất về khoa học marketing, bản chất các công cụ marketing hỗn hợp. Sau khi học xong học phần sinh viên biết vận dụng những kiến thức đó để hình thành và thông qua các quyết định marketing; liên hệ những vấn đề lý thuyết Marketing với thực tiễn kinh doanh ở Việt Nam.

- Nội dung học phần: Môn học nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, cốt lõi về Marketing, bao gồm các khái niệm, các nội dung, quy trình hoạt động marketing trong các tổ chức như: Vai trò, chức năng của hoạt động marketing; môi trường marketing và chiến lược marketing hỗn hợp (Chính sách sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến hỗn hợp),...

28. Tên học phần số 28: Tài chính tiền tệ (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý đại cương mang tính chất nhập môn trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ ngân hàng. Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể nắm vững được các kiến thức cơ sở liên quan đến lĩnh vực tài chính, từ đó tạo điều kiện nghiên cứu các môn học chuyên ngành khác.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính và tiền tệ: các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ; các mối quan hệ kinh tế trong phân phối các nguồn tài chính; hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân sách nhà nước, hoạt động của thị trường tài chính; hoạt động tài chính quốc tế; Bản chất, chức năng của tiền tệ, lạm phát; cung và cầu tiền tệ, tín dụng, lãi suất tín dụng. Hoạt động của hệ thống Ngân hàng trong nền kinh tế: Ngân hàng Trung Ương, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng

29. Tên học phần số 29: Nguyên lý thống kê (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Xác suất thống kê.

- Mục tiêu: Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê, các phương pháp chuyên môn của thống kê. Qua đó, nhằm thu thập số liệu, tính toán tổng hợp số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu đó trong điều kiện thời gian và không gian nhất định nhằm chỉ ra bản chất, tính quy luật và dự báo các mức độ của các hiện tượng trong tương lai.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thống kê: Nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế xã hội; Các phương pháp điều tra chọn mẫu; Ứng dụng các loại số dùng trong đánh giá thống kê, đánh giá thống kê dãy số thời gian, các phương pháp dự đoán thống kê ngắn hạn thường dùng. Xây dựng chỉ số, hệ thống chỉ số, vận dụng vào phân tích ảnh hưởng sự biến động của các chỉ tiêu

30. Tên học phần số 30: Luật kinh tế (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn tất học phần Pháp luật đại cương.

- Mục tiêu:

+ *Kiến thức*: Môn học cung cấp cho sinh viên những quy định cơ bản của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản như những vấn đề khái quát chung nhất về Luật kinh tế; hiểu và phân tích được địa vị pháp lý của các doanh nghiệp được pháp luật thừa nhận; hiểu và phân tích được các vấn đề về hợp đồng thương mại; nắm được các phương thức giải quyết tranh chấp cũng như thủ tục giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại; hiểu và phân tích được các dấu hiệu của một doanh nghiệp bị phá sản cũng như thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp bị phá sản.

+ *Kỹ năng*: Vận dụng các quy định của pháp luật vào để giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tế và đánh giá tác động của các quy định pháp luật đó và thực tiễn kinh doanh.

+ *Thái độ*: Sinh viên chủ động, tích cực trong việc học tập môn học để tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

- *Nội dung*: Nội dung chính của môn học bao gồm các kiến thức cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh hiện nay như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh.

Học phần gồm 5 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về luật kinh tế.

Chương 2: Pháp luật về doanh nghiệp.

Chương 3: Pháp luật về hợp đồng.

Chương 4: Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại.

Chương 5: Pháp luật về phá sản doanh nghiệp

31. Tên học phần số 31: Toán kinh tế (3,3,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Học sau các học phần toán cao cấp, học phần Kinh tế vi mô.

- *Mục tiêu*: Học phần cung cấp kỹ năng trong việc vận dụng các kiến thức của Toán cao cấp, Xác suất thống kê và kinh tế học vào việc xây dựng và phân loại các mô hình toán kinh tế. Đồng thời, giúp người học có kỹ năng trong việc vận dụng các kiến thức toán vào việc chứng minh tính đúng đắn và sự tồn tại nghiệm của mô hình.

- *Nội dung học phần*: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng phương pháp thống kê toán, mô hình hóa các quá trình kinh tế, các công cụ và phương tiện tính toán hiện đại nhằm giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế và trong thực tiễn của sản xuất.

32. Tên học phần số 32: Toán tài chính (3,3,0)

- *Điều kiện tiên quyết*: Học sau học phần Toán cao cấp, Tài chính- tiền tệ

- *Mục tiêu*: Sau khi học xong học phần này sinh viên biết các phương pháp cơ bản để tính lãi của các khoản tiền vay hoặc cho vay, các khoản đầu tư và doanh lợi đầu tư thông qua việc áp dụng các công cụ tính toán.

- *Nội dung học phần*: Nội dung của học phần cung cấp các nội dung kiến thức cơ bản về tiền lãi, chiết khấu thương phiếu, chuỗi tiền tệ, vay vốn, trái phiếu và doanh lợi đầu tư thông qua công cụ toán học.

33. Tên học phần số 33: Tài chính doanh nghiệp (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết

Học sau học phần: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Tài chính tiền tệ

- *Mục tiêu*: Trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, về mục tiêu và vai trò của quản trị tài chính trong doanh nghiệp; nhận diện và hiểu được các nhân tố ảnh hưởng đến công tác tài chính trong doanh nghiệp

- Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học "*Tài chính doanh nghiệp*" là môn học nghiệp vụ về quản lý tài chính doanh nghiệp, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, cung cấp các kiến thức chuyên ngành tổng quát như chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản cố định, tài sản lưu động, vốn cố định, vốn lưu động, các hoạt động quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn, cách

thức quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: chi phí huy động và sử dụng vốn, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu. Bên cạnh đó môn học giới thiệu về các công cụ chủ yếu để đưa ra các quyết định tài chính đó là giá trị theo thời gian của tiền, rủi ro và tỷ suất sinh lời đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư, dự án đầu tư, cách xác định dòng tiền của dự án đầu tư, các nguyên tắc xác định dòng tiền của dự án và các phương pháp chủ yếu đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư. Trên cơ sở đó nhằm đánh giá hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp và là tiền đề để doanh nghiệp có những tính toán, dự đoán và có những quyết định quản trị tài chính hợp lý.

Nội dung môn học được thiết kế phù hợp và đáp ứng yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ, là cơ sở để thực hiện đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra - đánh giá. Nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ quản lý tài chính doanh nghiệp nói riêng và cán bộ quản lý tài chính - kế toán cho nền kinh tế.

34. Tên học phần số 34: Thị trường chứng khoán (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

- Mục tiêu: Môn học trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng về thị trường chứng khoán như tổng quan về thị trường chứng khoán, hàng hóa giao dịch trên thị trường, và cơ chế hoạt động và giao dịch của sở giao dịch chứng khoán để giúp học viên hiểu rõ được các hoạt động trên thị trường. Đồng thời, các phương pháp phân tích và các chỉ tiêu tài chính cơ bản được đề cập trong môn học để giúp học viên hiểu và thực hiện được các phân tích cơ bản trong nội dung phân tích chứng khoán.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc hoạt động của thị trường vốn trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

35. Tên học phần số 35: Thuế (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Pháp luật Kinh tế, Tài chính tiền tệ.

- Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất trong lĩnh vực thuế: bản chất, chức năng của thuế, các yếu tố cấu thành một sắc thuế, chính sách thuế và hệ thống thuế; giới thiệu các sắc thuế cơ bản nhất trong hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân...

- Nội dung học phần: học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lĩnh vực thuế, như: bản chất, chức năng của thuế, các yếu tố cấu thành một sắc thuế, chính sách thuế và hệ thống thuế; giới thiệu các sắc thuế cơ bản nhất trong hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... và một số khoản thu khác

36. Tên học phần số 36: Quản trị học (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kỹ năng quản trị

- Mục tiêu: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị trong tổ chức như công tác hoạch định, công việc của tổ chức, tiến hành điều khiển và kiểm tra. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cốt lõi: hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức.

- Nội dung học phần: Quản trị học cung cấp cho người học những chức năng và kỹ năng quản trị để thực hiện các hoạt động trong một tổ chức nhằm kết hợp các hoạt động cá nhân riêng lẻ với nhau trong một tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những tác động của môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức ảnh hưởng đến việc lựa chọn đến việc ban hành quyết định hiệu quả của của một tổ chức. Thông tin được coi là giữ liệu đầu vào giúp cho nhà quản trị đưa ra các quyết định. Chức năng của quản trị học bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra được coi là nguyên lý căn bản được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản trị.

37. Tên học phần số 37: Kiểm toán căn bản (2;2;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán

- Mục tiêu: Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết kiểm toán để nắm được các nội dung về phương pháp, trình tự, thủ tục của công tác kiểm toán đặc biệt là kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế và Việt Nam.

- Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán: khái niệm, hình thức kiểm toán; các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán; quy trình một cuộc kiểm toán; các loại ý kiến kiểm toán.

9.3. Mô tả tóm tắt các học phần chuyên ngành

38. Tên học phần số 38: Nguyên lý kế toán (4,4,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô

- Mục tiêu: Nguyên lý kế toán trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán. Môn học giúp người học thuộc khối kinh tế đạt hiểu biết chung về hệ thống kế toán, quy trình hoạt động kế toán. Từ đó, người học có thể phối hợp hoạt động trên hệ thống thông tin của doanh nghiệp, đồng thời nhận định tình hình tài chính, kinh doanh của tổ chức thông qua một số tỷ số kế toán cơ bản...

- Nội dung học phần: Học phần đề cập đến các vấn đề: các khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu vào một loại hình đơn vị cụ thể.

39. Tên học phần số 39: Tin học kế toán (2;1;1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nhập môn tin học, Nguyên lý thống kê, Nguyên lý kế toán.

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức máy tính ứng dụng căn bản để sinh viên có thể vận dụng thực hiện các phân hành kế toán bộ phận trên máy tính và tạo kiến thức nền tảng cho các học phần kế toán máy.

- Nội dung học phần: Nội dung gồm 2 phần chính:

+ Phần lý thuyết: Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ thuật tính toán căn bản trên máy tính ứng dụng trong thống kê và kế toán dựa vào phần mềm MICROSOFT EXCEL.

+ Phần thực hành: Rèn luyện kỹ năng thực hành sử dụng phần mềm MICROSOFT EXCEL vào công tác thống kê và kế toán.

40. Tên học phần số 40: Kế toán 1 (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán.

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán kế toán cho các doanh nghiệp từ đó vận dụng từng phần hành kế toán vào các doanh nghiệp cụ thể

- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài chính doanh nghiệp với các nội dung: Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; kế toán các loại vật tư và kế toán tiền lương.

41. Tên học phần số 41: Kế toán 2 (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán, Kế toán 1

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán kế toán cho các doanh nghiệp từ đó vận dụng từng phần hành kế toán vào các doanh nghiệp cụ thể

- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài chính doanh nghiệp với các nội dung: Kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán các khoản nợ phải trả, Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu,.

42. Tên học phần số 42: Kế toán 3 (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán, Kế toán 1, 2

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán kế toán cho các doanh nghiệp từ đó vận dụng từng phần hành kế toán vào các doanh nghiệp cụ thể

- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài chính doanh nghiệp với các nội dung: Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính.

43. Tên học phần số 43: Đề án kế toán 1 (2;0;2)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán, kế toán 1.

- Mục tiêu: Giúp sinh viên vận dụng lý thuyết vào thực tế lập chứng từ và sổ sách kế toán

- Nội dung học phần: Học phần này hướng dẫn cho sinh viên thực hành, vận dụng những kiến thức chuyên môn vào thực tế với các nội dung: Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; kế toán các loại vật tư và kế toán tiền lương.

44. Tên học phần số 44: Đề án kế toán 2 (2;0;2)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán, kế toán 1, Kế toán 2

- Mục tiêu: Giúp sinh viên vận dụng lý thuyết vào thực tế lập chứng từ và sổ sách kế toán

- Nội dung học phần: Học phần này hướng dẫn cho sinh viên thực hành, vận dụng những kiến thức chuyên môn vào thực tế với các nội dung: Kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán các khoản nợ phải trả, Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu.

45. Tên học phần số 45: Đề án kế toán 3 (2;0;2)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán, kế toán 1,2, 3

- Mục tiêu: Giúp sinh viên vận dụng lý thuyết vào thực tế lập chứng từ và sổ sách kế toán

- Nội dung học phần: Học phần này hướng dẫn cho sinh viên thực hành, vận dụng những kiến thức chuyên môn vào thực tế với các nội dung: Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính.

46. Tên học phần số 46: Kế toán quản trị (4;4;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán

- Mục tiêu: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí, dự toán chi phí cho các kế hoạch nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí kinh doanh.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí kinh doanh.

47. Tên học phần số 47: Kiểm toán báo cáo tài chính (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành các môn học: Tài chính doanh nghiệp, Kiểm toán căn bản, kế toán 1,2,3.

- Mục tiêu: Sau khi hoàn thành xong học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về: kiểm toán báo cáo tài chính, mục tiêu và thủ tục kiểm toán một số chu kỳ kế toán cơ bản trong doanh nghiệp như : Chu kỳ bán hàng và thu tiền, chu kỳ mua vào và thanh toán, hàng tồn kho và chi phí.

- Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm của kiểm toán báo cáo tài chính; các thủ tục kiểm toán các khoản mục và quy trình nghiệp vụ

chính trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp; giúp sinh viên hiểu sâu sắc và vận dụng tốt lý thuyết kiểm toán và kiểm toán báo cáo tài chính.

48. Tên học phần số 48: Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán.

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý cơ bản về công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể nắm được phương pháp hạch toán và quản lý tài chính của một đơn vị hành chính sự nghiệp.

- Nội dung học phần: Học phần trang bị những kiến thức nhằm quản lý, giám sát tình hình thu, chi từ nguồn kinh phí Nhà nước, từ ngân sách địa phương và các nguồn thu khác của đơn vị sự nghiệp.

49. Tên học phần số 49: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp (2; 2 ;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán

- Mục tiêu: Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp: nguyên tắc, nội dung và vai trò của tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, nội dung công tác tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán, lựa chọn, vận dụng hình thức kế toán trong doanh nghiệp phù hợp.

- Nội dung học phần: Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về tổ chức kế toán trong doanh nghiệp: nguyên tắc, nội dung, và vai trò của tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; nội dung công tác tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán, lựa chọn, vận dụng hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp; tổ chức và phân tích báo cáo kế toán, kiểm tra kế toán và tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

50. Tên học phần số 50: Kế toán máy (3;1;2)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần tin học kế toán, kế toán 1,2,3.

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những hiểu biết toàn diện của hệ thống thông tin kế toán dựa trên máy tính và kỹ năng sử dụng máy tính để thực hiện công việc kế toán. Giúp sinh viên biết tổ chức công tác kế toán khi ứng dụng máy vi tính và biết sử dụng phần mềm kế toán.

- Nội dung học phần: Trang bị kỹ năng thực hành công tác kế toán trên máy tính như cách nhập chứng từ, cách khai báo dữ liệu, cách tạo lập tài khoản chi tiết và kiểm tra số liệu trên các báo cáo

51. Tên học phần số 51: Thống kê doanh nghiệp (2 ;2 ;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý thống kê

- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cần thiết về thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó giúp người học phát triển các kỹ năng cứng và kiến thức chuyên ngành như kỹ năng thu thập tài liệu,

tổng hợp, phân tích, tính toán, dự đoán, kỹ năng ra quyết định... đồng thời vận dụng vào thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn có thể ứng dụng để thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thống kê lao động - tiền lương, thống kê tài sản cố định, thống kê giá thành, thống kê hiệu quả kinh doanh,... của doanh nghiệp.

52. Tên học phần số 52: Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (4;4;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Thống kê doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp, Kế toán 1,2,3.

- Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên phương pháp phân tích và quy trình phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, vận dụng các phương pháp thích hợp để tiến hành phân tích, đánh giá được tình hình sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp như tình hình thực hiện kế hoạch về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hiệu quả sử dụng của các yếu tố đầu vào như lao động, vật tư, TSCĐ...

- Nội dung học phần: Cung cấp phương pháp phân tích và quy trình phân tích tài chính doanh nghiệp, bắt đầu từ việc thu thập số liệu và vận dụng các phương pháp thích hợp để phân tích, đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp, hiệu quả của việc huy động vốn và sử dụng vốn trong doanh nghiệp, trên cơ sở đó có thể đưa ra các quyết định tài chính phù hợp và dự báo tài chính tương lai. Đồng thời học phần cung cấp phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong một doanh nghiệp như tình hình thực hiện kế hoạch về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào như lao động, vật tư, TSCĐ, ...

53. Tên học phần số 53: Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (3 ;3 ;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán.

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ như: kế toán vốn bằng tiền, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán nguyên vật liệu, kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh.

- Nội dung học phần: Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán vốn bằng tiền, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán nguyên vật liệu, kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

54. Tên học phần số 54: Kế toán chi phí (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau nguyên lý kế toán; kế toán 1,2,3, kế toán quản trị.

- Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khái niệm và phân loại chi phí, giá thành sản phẩm. Nội dung kế toán chi phí theo công việc và kế toán chi phí theo quá trình.

- Nội dung học phần: Kế toán chi phí cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chi phí sản xuất của doanh nghiệp, các phương pháp phân bổ chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và các phương pháp tính giá thành sản phẩm.

55. Tên học phần số 55: Kế toán thuế (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần thuế, Nguyên lý kế toán.

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về thuế và kế toán thuế, kế toán các loại thuế hiện hành và công tác kê khai, nộp thuế và hạch toán thuế trong doanh nghiệp.

- Nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên các nguyên tắc kế toán, phương pháp hạch toán, quyết toán và lập tờ khai các loại thuế như thuế: Giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp... phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

56. Tên học phần số 56: Đề án kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (2 ; 0 ; 2)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán, kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Mục tiêu: Sau khi học xong học phần này sinh viên biết cách lập chứng từ, vào sổ sách, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Nội dung học phần: Học phần này hướng dẫn cho sinh viên thực hành ứng dụng những kiến thức cơ bản vào thực tế về kế toán vốn bằng tiền, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán nguyên vật liệu, kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

57. Tên học phần số 57: Hướng dẫn chuyên đề thực tập (2;1;1)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi sinh viên đã học xong lý thuyết, được thực hành các học phần tại Trường

- Mục tiêu: Sinh viên hiểu được quá trình hoạt động kế toán của một tổ chức, thực hiện được các công tác tổ chức kế toán.

- Nội dung học phần: Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nghiệp vụ của chuyên ngành kế toán doanh nghiệp. Rèn luyện tác phong và đạo đức nghề nghiệp (trung thực, chính xác, chu đáo,...). Hướng dẫn cho Sinh viên cách trình bày nội dung cơ bản của một bài báo cáo thực tập theo các mảng đề tài, các phần hành kế toán.

58. Tên học phần số 58: Định giá tài sản (2;2;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tài chính doanh nghiệp

- Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm cơ bản về lý thuyết định giá tài sản và các phương pháp định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ định giá tài sản bao gồm: khái niệm, các qua điểm, quy trình, nguyên tắc, cơ sở định giá và nghiệp vụ các phương pháp định giá bất động sản, máy móc thiết bị, doanh nghiệp và tài sản vô hình

59. Tên học phần số 59: Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ (2;2;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán.

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ. Sinh viên nắm được đặc điểm, công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp thương mại dịch vụ.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các nghiệp vụ kinh tế của các doanh nghiệp nhằm phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ.

60. Tên học phần số 60: Thực tập tốt nghiệp(KETOAN) (4;0;4)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi sinh viên đã học xong lý thuyết, được thực hành các học phần tại Trường, hướng dẫn chuyên đề thực tập tốt nghiệp

- Mục tiêu: Hiểu được quá trình hoạt động kế toán của một tổ chức, bổ sung cho sinh viên kiến thức lý luận, nghiệp vụ, nắm vững quy trình nghiệp vụ, vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích giải quyết vấn đề của thực tiễn trong quá trình hoạt động kế toán tại cơ sở thực tập.

- Nội dung học phần:

+ Củng cố kiến thức chuyên môn trên cơ sở liên hệ với thực tế tại doanh nghiệp

+ Rèn luyện kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ của chuyên ngành kế toán doanh nghiệp.

+ Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm, tác phong công nghiệp

+ Sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập theo đúng nội dung đã được giao.

61. Tên học phần số 61: Khóa luận tốt nghiệp(KETOAN) (6;0;6)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi sinh viên đã học hoàn thành các học phần theo chương trình đào tạo đại học kế toán, hướng dẫn chuyên đề thực tập và thực tập tốt nghiệp.

- Mục tiêu: Sinh viên phải trình bày được những kiến thức cơ bản làm luận cứ trong khóa luận. Sinh viên phải trình bày, phân tích, giải quyết các vấn đề đặt ra trong khóa luận

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về ngành kế toán. Giúp sinh viên có điều kiện thực hành thực tế và áp dụng những kiến thức chuyên ngành đã được học vào công việc chuyên môn sau khi ra trường.

62. Tên học phần số 62: Kế toán công ty (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau khi học xong học phần Nguyên lý kế toán.

-Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán kế toán cho các doanh nghiệp từ đó vận dụng từng phần hành kế toán vào các doanh nghiệp cụ thể.

- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về các loại hình công ty và kế toán công ty, Kế toán thành lập công ty, kế toán biến động vốn góp trong công ty, kế toán phân phối lợi nhuận và kế toán giải thể tổ chức lại công ty...

63. Tên học phần số 63: Kế toán 4 (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau khi học xong học phần Nguyên lý kế toán, kế toán 1, 2, 3.

-Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đơn vị xây lắp và phương pháp hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp.

- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm kế toán chi phí, doanh thu và kết quả trong các doanh nghiệp xây lắp.

XI.DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy
1	Vũ Ngọc Hà	Thạc sỹ	Triết học	Triết học Mác-Lênin
2	Nguyễn Thị Hải Ninh, Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Vũ Ngọc Hà, Nguyễn Thị Hải Ninh, Trần Thị Hoàn, Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị, Chính trị, Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Nguyễn Thị Nhung	Tiến sỹ	LSĐCSVN	Lịch sử Đảng CSVN
5	Trần Thị Hoàn	Thạc sỹ	Chính Trị	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Lê Thị Hằng	Thạc sỹ	Luật	Pháp luật đại cương, Luật kinh tế
7	Nguyễn Thị Hải Ninh, Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học
8	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Văn hóa kinh doanh
9	Cao Hải An	Thạc sỹ	Tâm lý	Kỹ năng mềm
10	Bùi Thị Luyến, Phạm Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hương	Thạc sỹ	Sư phạm TĐTT	Giáo dục thể chất 1, 2, 3
11	Trương Công Tuấn, Đương Khắc Mạnh	Đại học	Sư phạm TĐTT	Giáo dục quốc phòng
12	Phạm Thúy Hằng	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	Nhập môn tin học
13	Bùi Thị Huyền,	Thạc sỹ	Tiếng anh	Tiếng anh cơ bản 1, tiếng anh

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy
	Vũ Thị Thái,			chuyên ngành 1,2
14	Ngô Hải Yên, Mai Thị Huyền, Vũ Thị Thái	Thạc sỹ	Tiếng anh	Tiếng anh cơ bản 2, tiếng anh chuyên ngành 2
15	Nguyễn Thanh Huyền	Thạc sỹ	Đại số	Xác suất thống kê
16	Phạm Ngọc Hải, Nguyễn Thị Thu Hương, Bùi Thị Hồng Vân	Thạc sỹ	Đại số	Toán cao cấp 1
17	Trần Thị Thu Lan	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Kinh tế vi mô
18	Trần Thị Thanh Hương	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê
19	Đặng Thị Thu Giang	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Quản trị học
20	Bùi Thị Thúy Hằng	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Thống Kê doanh nghiệp
21	Ngô Thị Lan Hương	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Marketing căn bản
22	Lương Văn Tộ	Tiến sĩ	Quản lý tài chính	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Toán kinh tế; Tin học kế toán
23	Nguyễn Phương Thúy	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	Thị trường chứng khoán
24	Lê Xuân Hương	Thạc sỹ	Tài chính quốc tế	Tài chính tiền tệ, thuế
25	Nguyễn Thị Thu Hà	Thạc sỹ	Tài chính ngân hàng	Toán tài chính, thị trường chứng khoán
26	Nguyễn Thị Thương Huyền	Thạc sỹ	Tài chính ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp;
27	Lãnh Thị Hòa	Tiến sĩ	Quản lý tài chính	Thuế, tài chính doanh nghiệp, toán tài chính
28	Nguyễn Thị Thom	Thạc sỹ	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ; Đề án kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ; Kế toán 4, kế toán đơn vị HCSN
29	Hoàng Thị Thúy	Thạc sỹ	Tài chính, ngân hàng	Kế toán quản trị, Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Toán kinh tế; Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ;
30	Nguyễn Thanh Hằng	Thạc sỹ	Kế toán	Kế toán công ty; Tin học kế toán; Kiểm toán báo cáo tài chính; Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ; Đề án kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy
31	Trần Thị Mây	Thạc sỹ	Kế toán	Tin học kế toán, Kế toán máy, Kế toán 2; Đề án kế toán 2; Kế toán thuế; Hướng dẫn chuyên đề thực tập
32	Đỗ Thị Mơ	Thạc sỹ	Tài chính ngân hàng	Kế toán 1, Đề án kế toán 1, Nguyên lý kế toán; Khóa luận tốt nghiệp; Kế toán chi phí, kiểm toán căn bản
33	Vũ Thị Phượng	Thạc sỹ	Kế toán	Kế toán thuế; Kế toán máy; Kế toán 2; Đề án kế toán 2; kế toán 4
34	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Tài chính, ngân hàng	Nguyên lý kế toán; Kế toán quản trị; kiểm toán căn bản
35	Vũ Thị Duyên	Thạc sỹ	Kế toán	Hướng dẫn chuyên đề thực tập, Kế toán 3; Đề án kế toán 3; Kế toán chi phí; Thực tập tốt nghiệp; Toán kinh tế
36	Nguyễn Thị Thúy	Thạc sỹ	Kế toán	Kiểm toán báo cáo tài chính; Kiểm toán căn bản, Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ;
37	Nguyễn Thị Thùy	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	Định giá tài sản, thuế
38	Cát Thị Thu Hường	Thạc sỹ	Kế toán	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp; Tổ chức công tác kế toán trong DN; Kiểm toán BCTC

XII. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

12.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Các phòng học chuyên dùng được trang bị đủ thiết bị và số lượng đáp ứng cho 30 đến 60 sinh viên thực hành trong một đợt theo các bài thực hành được quy định trong chương trình đào tạo.

TT	Tên Phòng thí nghiệm, thực hành	Địa điểm	Ghi chú
1	Phòng học ngoại ngữ	Giảng đường D2	Đủ thiết bị
2	Phòng thực hành tin học, kế toán máy	Khu nhà H	Đủ thiết bị

12.2. Thư viện

Thư viện 3 tầng với tổng diện tích 2.300m² với trên 5.000 đầu sách giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo cho các ngành nói chung. Chuyên ngành Kế toán nói riêng với nhiều đầu sách giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo phục vụ cho đào tạo.

Phương tiện nối mạng: Nối mạng Lan; Internet băng thông 4Mbps

12.3. Giáo trình, bài giảng:

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Giáo trình Triết học Mác-Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2007
2	Giáo trình Triết học Mác-Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2019
3	Giáo trình Triết học Mác-Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2021
4	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dùng cho khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2019
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dùng cho khối chuyên ngành Lý luận chính trị)	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2019
6	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dùng cho khối chuyên ngành Lý luận chính trị)	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2021
7	C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập	Hội đồng xuất bản	Nxb Chính trị quốc gia	2004
8	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2019
9	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2021
10	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2007
11	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2019
12	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2021
13	Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Việt Nam tập III	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2007
14	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2019
15	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	2021
16	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng TW	Nxb Chính trị quốc gia	2008
17	Hồ Chí Minh: toàn tập	NXB Chính trị quốc gia	Nxb Chính trị quốc gia	2009

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
18	Giáo trình Pháp luật đại cương	ThS Lê Minh Toàn	NXB Chính trị quốc gia	2008
19	Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật	Trường Đại học luật Hà Nội	ĐH Luật HN	2008
20	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB Thế Giới	2011
21	Phương pháp và Phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế	Nguyễn Thị Cành	NXB ĐHQG HCM	2004
22	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Lưu Xuân Mới	NXB Đại học Sư phạm	2003
23	New Cuttingedge – Student's book & Work book – Pre Intermediate,	Sarah Cunningham	NXB Từ điển Bách Khoa	2011
24	Solution - Student's book & Work book – Pre Intermediate	Tim Falla, Paul A Davies	Oxford Press	2012
25	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press	2010
26	Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành	Cao Xuân Thiều	NXB Tài chính	2008
27	Từ điển tiếng Anh chuyên ngành	Học viện tài chính	NXB Tài chính	2010
28	Toán cao cấp 1-Bậc đại học	Bộ môn Toán	ĐHCNQN	2019
29	Toán Cao Cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục	2003
30	Toán Cao Cấp tập 3	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục	2003
31	Bài tập toán cao cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục	2003
32	Bài tập toán cao cấp Tập 3	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục	2003
33	Toán cao cấp 2-Bậc đại học	Bộ môn toán	ĐHCNQN	2019
34	Toán Cao Cấp tập 1	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục	2003
35	Bài tập toán cao cấp tập 1	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục	2003

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
36	Bài giảng Nhập môn tin học	Khoa Công nghệ thông tin	ĐHCNQN	2022
37	Nhập môn tin học	Bùi Huy Quỳnh	NXB Giáo dục	2021
38	Giáo trình tin học đại cương	Tủ sách ĐH KHTN	ĐH Quốc gia Hà Nội	2020
39	Tin học đại cương nâng cao	Hoàng Kiếm	NXB Giáo dục	2010
40	Bài giảng Xác suất thống kê	Bộ môn Toán	ĐHCNQN	2010
41	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB Thống kê	2000
42	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	NXB ĐHKQTĐ	2008
43	Xác suất và thống kê	Tổng Đình Quỳnh	NXB Thống kê	2001
44	Nghệ thuật giao tiếp và thương lượng	Thái Trí Dũng	NXB Thống kê	2004
45	Văn hóa doanh nghiệp	Đỗ Thị Phi Hoài	NXB Tài chính	2009
46	Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp	Vũ Thị Liên	NXB KTQĐ	2006
47	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	NXB KTQĐ	2006
48	Giáo trình đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Nguyễn Mạnh Quân	NXB Lao động xã hội	2005
49	Điền kinh	Nguyễn Đại Dương	NXB TĐTT	2006
50	Luật điền kinh	Nguyễn Đại Dương	NXB TĐTT	2010
51	Giáo trình Cầu lông	Trần Văn Vinh	NXB TĐTT	2003
52	Luật thi đấu cầu lông	Đào Chí Thành	NXB TĐTT	2002
53	Cầu lông	Nguyễn Văn Đức	NXB TĐTT	2015
54	Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Hữu Bằng	NXB Đại học Sư phạm	2004
55	Luật thi đấu bóng rổ	Kiến Vân	NXB TĐTT	2016
56	Những điều cần biết về bóng rổ	Kiến Vân	NXB TĐTT	2020
57	Giáo trình GDQP	Liên bộ QP	NXB Giáo dục	2020
58	Lý luận và phương pháp GDTC	Vụ GDTC	NXB Giáo dục	2020

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
59	Bài giảng Kỹ năng làm việc nhóm	PGS.TS Đặng Thành Hội	ĐH Nông Lâm TP HCM	2010
60	Những điều kỳ diệu về tâm lý con người	Lê Thị Bùng	NXB Đại học sư phạm	2005
61	Kinh tế học vi mô	TS.Phạm Văn Minh	NXB Giáo dục Việt Nam	2010
62	Kinh tế học vi mô	GS.TS. Ngô Đình Giao	NXB KTQD	2010
63	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm	NXB Thống kê	2009
64	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dần	NXB Tài chính	2004
65	Bài tập Kinh tế vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dần	NXB Tài chính	2004
66	Giáo trình Kinh tế vĩ mô	ThS. Nguyễn Thị Mơ	ĐHCNQN	2013
67	Giáo trình Marketing căn bản	GS.TS Trần Minh Đạo	NXB Thống kê	2007
68	Marketing căn bản	Philip Kotler	NXB Thống kê	2007
69	Giáo trình tài chính tiền tệ	Lê Xuân Hương	ĐHCNQN	2014
70	Lý thuyết Tài chính	Đình Văn Sơn	NXB Thống kê	2004
71	Bài giảng Lý thuyết tài chính	TS Phạm Ngọc Dòng	Học viện Tài chính	2005
72	Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam	Đại học Kinh tế quốc dân	NXB Tài chính	2000
73	Quản lý và Kinh doanh tiền tệ	Phan Công Nghĩa	NXB G.dục	2002
74	Giáo trình Lý thuyết tiền tệ	Vũ Văn Hoá	NXB Tài chính	2005
75	Giáo trình Nguyên lý thống kê	ThS. Bùi Thị Thúy Hằng, ThS. Trần Thị Thanh Hương	ĐHCNQN	2013
76	Giáo trình Nguyên lý thống kê	PGS.TS Trần Ngọc Phác	NXB Thống kê	2013
77	Giáo trình Lý thuyết thống kê	TS. Nguyễn Huy Thịnh	NXB Tài chính	2013

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
78	Giáo trình lý thuyết thống kê	Hà Văn Sơn	NXB Thống kê	2013
79	Giáo trình Thống kê kinh tế	Nguyễn Trần Quế	NXB Đại học quốc gia	2013
80	Bài giảng Pháp luật Kinh tế	Phạm Hải Châu	ĐHCNQN	2011
81	Giáo trình Luật thương mại (tập 1;2)	Đại học Luật Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	2011
82	Giáo trình pháp luật kinh tế	Đại học Luật Hà Nội	Nxb KTQD	2005
83	Pháp luật trong hoạt động kinh doanh	NXB Thống kê	NXB Thống kê	2007
84	Giáo trình Mô hình toán kinh tế	Nguyễn Quang Dong	NXB Giáo dục	2002
85	Giáo trình Toán Kinh Tế	Nhâm Văn Toán	NXB Giao thông vận tải	2003
86	Toán tài chính	TS. Bùi Hữu Phước	NXB Thống kê	2010
87	Toán tài chính	TS. Nguyễn Ngọc Định	NXB Thống kê	2002
88	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS Nguyễn Đình Kiệm	NXB Tài chính	2010
89	Bài tập tài chính doanh nghiệp	HV tài chính	NXB Tài chính	2010
90	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TS. Nguyễn Hải Sản	NXB Thống kê	2002
91	Giáo trình Thị trường chứng khoán	Bạch Đức Hiền	NXB Tài chính	2009
92	Giáo trình Thị trường chứng khoán	Kinh tế quốc dân	NXB KTQD	2009
93	Giáo trình Thuế	Lê Xuân Hương	ĐHCNQN	2011
94	Giáo trình Thị trường chứng khoán	Bạch Đức Hiền	NXB Tài chính	2009
95	Giáo trình Lý thuyết Thuế	HVTC	NXB T.chính	2010
96	Giáo trình Quản trị học	ThS. Nguyễn Thị Mơ	ĐHCNQN	2014
97	Quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà	NXB T.chính	2002
98	Giáo trình Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thành Độ	NXB Lao động xã hội	2004

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
99	Giáo trình Kiểm toán	Vương Đình Huệ	NXB Tài chính	2004
100	Lý thuyết Kiểm toán	Nguyễn Quang Quỳnh	NXB Tài chính	2003
101	Giáo trình Nguyên lý kế toán	PGS.TS Trần Văn Thuận	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	2021
102	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Bùi Thu Thủy	ĐH Mở địa chất	2008
103	Lý thuyết hạch toán kế toán	Nguyễn Hữu Ba	NXB Tài Chính	2008
104	Giáo trình Tin học ứng dụng trong Kinh tế	ĐH Mở địa chất	ĐH Mở địa chất	2010
105	Giáo trình Tin học ứng dụng	Trần Thị Song Minh	NXB ĐH KT Quốc dân	2011
106	Tài liệu hướng dẫn làm kế toán bằng Excel	Trần Văn Thắng	NXB Thống kê	2001
107	Giáo trình kế toán TCDN1	Lãnh Thị Hòa	ĐHCNQN	2018
108	Giáo trình kế toán TCDN2	Lãnh Thị Hòa	ĐHCNQN	2019
109	Giáo trình kế toán TCDN3	Lương Văn Tộ	ĐHCNQN	2021
110	Giáo trình kế toán quản trị	Nhâm Văn Toán	Trường ĐH Mở địa chất	2004
111	Giáo trình kế toán quản trị	Nguyễn Minh Phường	ĐH Kinh tế Quốc Dân	2005
112	Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp	Trường ĐH Mở địa chất	Trường ĐH Mở địa chất	2004
113	Giáo trình kế toán tài chính	Ngô Thế Chi	NXB Tài chính	2010
114	Giáo trình kế toán tài chính	Phạm Quang Trung	NXB Tài chính	2010
115	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam	Bộ Tài chính	NXB Tài chính	2010
116	Giáo trình Kiểm toán	Trường ĐH Kinh tế Tp HCM	NXB Thống kê	2004
117	Giáo trình kiểm toán	Vương Đình Huệ	NXB Tài chính	2004

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
118	Giáo trình kế toán hành chính sự nghiệp	PGS.TS. Phạm Văn Liên	NXB Tài chính	2013
119	Giáo trình tổ chức kế toán trong doanh nghiệp	PGS.TS. Lê Gia Lục	NXB Thống kê	2006
120	Tổ chức Bộ máy kế toán, nhiệm vụ kế toán trưởng	TS. Phạm Văn Đăng	NXB Tài chính	2007
121	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	Phạm Xuân Lục	NXB Tài chính	2008
122	Giáo trình kế toán máy kế toán doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Misa	NXB Văn hóa thông tin	2017
123	Giáo trình kế toán máy	Trần Thị Song Minh	NXB Lao động xã hội	2005
124	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	Hồ Sỹ Chi	NXB Tài chính	2007
125	Bài tập thống kê doanh nghiệp	Chu Văn Tuấn	NXB Tài chính	2003
126	Phân tích Báo cáo tài chính và hoạt động kinh doanh	Nguyễn Văn Công	NXB Thống kê	1995
127	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dược	NXB Thống kê	2002
128	Giáo trình Phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp	Nguyễn Thế Khải	NXB Tài chính	2003
129	Giáo trình kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	Trường ĐH Sao Đỏ	NXB Tài chính	2007
130	Giáo trình kế toán chi phí	Huỳnh Lợi	NXB Giao thông vận tải	2010
131	Giáo trình kế toán thuế	PGS.TS Nguyễn Phú Giang	NXB Tài chính	2007
132	Nguyên lý chung định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp	T.S Nguyễn Minh Hoàng	NXB Tài chính	2007
133	Giáo trình kế toán thương mại dịch vụ	Nguyễn Phú Giang	Trường ĐH Thương mại	2010
134	Giáo trình Kế toán công ty	PGS.TS Nguyễn Thị Đông	NXB KTQD	2006
135	Kế toán công ty chứng khoán	GS.TS Ngô Thế Chi	NXB Tài chính	2007
136	Hạch toán kế toán trong xây dựng		NXB Xây dựng	2006

XIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

13.1. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Căn cứ vào kế hoạch thời khoá biểu của từng học kỳ, Nhà trường tổ chức lập kế hoạch lịch thi kết thúc học phần theo từng học kỳ. Việc tổ chức thi, trong đó bao gồm các khâu: lập lịch thi, chuẩn bị đề thi, coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo và công tác lưu trữ tài liệu thi được triển khai thực hiện theo Quyết định số 400/QĐ-ĐHCNQN ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

13.2. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- c. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- d. Có chứng chỉ GDQP&AN và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- đ. Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Nhà trường.

Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần/năm. Thời gian xét tốt nghiệp sau khi kết thúc mỗi học kỳ. Trước khi xét, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng để xét tốt nghiệp cho sinh viên. Phòng Đào tạo có trách nhiệm rà soát lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp thông qua Hội đồng để xét tốt nghiệp cho sinh viên. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch hội đồng, Trưởng Phòng Đào tạo làm thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng Phòng công tác học sinh sinh viên. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp. Sinh viên không tốt nghiệp sẽ được Nhà trường cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của trường.

13.3. Các chú ý khác

- Căn cứ vào tình hình thực tế, thứ tự bố trí các học phần trong các học kỳ có thể điều chỉnh nhưng phải đảm bảo điều kiện logic nhận thức khi học các học phần.

- Tổ chức thực hiện chương trình theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường

